

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG**

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
CẢNG HẢI PHÒNG**



**PORT OF HAI PHONG**

**Đơn vị cổ phần hóa: Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng**  
**Địa chỉ: 8A Trần Phú, Ngô Quyền, Hải Phòng**  
**Điện thoại: 031.3859945**  
**Fax: 031.3859973**  
**Đại diện: Ông Nguyễn Hùng Việt - Chủ tịch Hội đồng thành viên  
kiêm Tổng giám đốc**

**Hải Phòng, tháng 04/2014**

## MỤC LỤC

DANH MỤC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT .....	4
<b>PHẦN I: CĂN CỨ PHÁP LÝ CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV CẢNG HẢI PHÒNG.....</b>	<b>5</b>
1. Cơ sở pháp lý của việc cổ phần hóa .....	5
2. Ban chỉ đạo cổ phần hóa .....	6
3. Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa .....	7
4. Đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính .....	8
5. Đơn vị Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa .....	8
6. Đơn vị tư vấn xây dựng phương án cổ phần hóa .....	8
<b>PHẦN II. THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG Ở THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>10</b>
1. Thông tin cơ bản.....	10
2. Cơ sở pháp lý của việc thành lập.....	10
3. Lịch sử hình thành và phát triển.....	11
4. Ngành nghề kinh doanh.....	12
5. Cơ cấu lao động.....	12
6. Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng .....	13
7. Cơ cấu sở hữu của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng .....	17
8. Quá trình đổi mới và sắp xếp lại doanh nghiệp thành viên .....	19
9. Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng 3 năm trước cổ phần hóa .....	19
9.1. Lĩnh vực kinh doanh .....	22
9.2. Nguyên, nhiên vật liệu và chi phí đầu vào.....	24
9.3. Trình độ công nghệ.....	24
9.4. Nghiên cứu và phát triển .....	26
9.5. Hệ thống quản lý chất lượng.....	26
9.6. Hoạt động Marketing.....	26
9.7. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	26
9.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện .....	27
9.9. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng .....	28
<b>PHẦN III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>38</b>
1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và vốn Nhà nước.....	38
2. Các vấn đề cần tiếp tục xử lý .....	39

2.1. Liên quan đến giá trị cầu cảng số 4, số cầu 5 khu vực Chùa Vẽ.....	39
2.2. Khoản chi phí sửa chữa.....	40
2.3. Khoản thuế nhà thầu.....	40

**PHẦN IV. HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA, VỐN ĐIỀU LỆ, CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ, GIÁ KHỞI ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH CỔ PHẦN.....** 41

1. Mục tiêu cổ phần hóa .....	41
2. Yêu cầu cổ phần hóa .....	41
3. Hình thức cổ phần hóa .....	41
4. Vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ.....	42
Phương thức phát hành cổ phần và giá khởi điểm .....	43
5. 43	
5.1. Bán đấu giá cổ phần lần đầu (IPO) .....	43
5.2. Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV.....	44
5.3. Bán cổ phần cho CBCNV theo năm cam kết làm việc.....	45
5.4. Bán cổ phần cho Tổ chức Công đoàn.....	46
5.5. Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược trong nước .....	46
5.6. Lộ trình thực hiện.....	48
6. Xử lý số lượng cổ phần không bán hết.....	48
7. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ đợt phát hành cổ phần .....	49
7.1. Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phần .....	49
7.2. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành.....	49
8. Chi phí cổ phần hóa dự kiến.....	50

**PHẦN V. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG.....** 52

**PHẦN VI. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI LAO ĐỘNG .....** 53

1. Kế hoạch sắp xếp lao động.....	53
2. Kế hoạch xử lý lao động .....	53
3. Kế hoạch tuyển dụng.....	53

**PHẦN VII. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT .....** 55

1. Tình hình sử dụng đất tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.....	55
2. Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa .....	55

**PHẦN VIII. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 5 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA.....** 63

1. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa.....	63
--	----

1.1.	Thông tin doanh nghiệp.....	63
1.2.	Hình thức pháp lý.....	63
1.3.	Ngành nghề kinh doanh.....	63
1.4.	Cơ cấu tổ chức sau cổ phần hóa.....	65
1.5.	Cơ cấu sở hữu.....	66
2.	Phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa.....	67
2.1.	Thuận lợi.....	67
2.2.	Khó khăn.....	68
2.3.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh và các giải pháp thực hiện.....	69
<b>PHẦN IX. RỦI RO DỰ KIẾN.....</b>		<b>81</b>
1.	Rủi ro kinh tế.....	81
2.	Rủi ro luật pháp.....	81
3.	Rủi ro đặc thù.....	81
4.	Rủi ro liên quan đến các vấn đề cần tiếp tục xử lý khi cổ phần hóa và bàn giao sang công ty cổ phần.....	83
5.	Rủi ro của đợt chào bán cổ phần.....	84
6.	Rủi ro khác.....	84
<b>PHẦN X. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....</b>		<b>85</b>
<b>PHẦN XI. DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA..</b>		<b>87</b>
1.	Hồ sơ pháp lý về thành lập, chuyển đổi mô hình hoạt động Công ty.....	87
2.	Hồ sơ pháp lý liên quan đến việc cổ phần hóa.....	87
3.	Hồ sơ lao động.....	87
4.	Hồ sơ phương án sử dụng đất.....	87
5.	Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp và Biên bản thẩm tra của ban chỉ đạo cổ phần hóa.....	87
6.	Dự thảo Điều lệ.....	87
7.	Báo cáo kiểm toán riêng và hợp nhất 3 năm 2011-2013.....	87
8.	Phụ lục xác định giá khởi điểm.....	87
9.	Các phụ lục về lao động.....	87

## DANH MỤC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

BCTC	: Báo cáo tài chính
Ban chỉ đạo/BCĐ	: Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cảng Hải Phòng
Bộ GTVT	: Bộ Giao thông Vận tải
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cảng Hải Phòng
CTCP	: Công ty cổ phần
CP	: Cổ phần
CPH	: Cổ phần hóa
CSH	: Chủ sở hữu
CNĐKKD	: Chứng nhận đăng ký kinh doanh
CNQSDĐ	: Chứng nhận quyền sử dụng đất
HDTV	: Hội đồng thành viên
IPO	: Đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
MTV	: Một thành viên
UBND	: Ủy ban nhân dân
SSI	: Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
Công ty/ Cảng Hải Phòng	: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cảng Hải Phòng
XN	: Xí nghiệp
NĐT	: Nhà đầu tư

## **PHẦN I: CĂN CỨ PHÁP LÝ CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV CẢNG HẢI PHÒNG**

### **1. Cơ sở pháp lý của việc cổ phần hóa**

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

- Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

- Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

- Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi công ty cổ phần.

- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.

- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của của Bộ Lao động thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

- Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 91/2010/NĐ-CP.

- Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015.

- Quyết định số 103/QĐ-HHVN ngày 15 tháng 03 năm 2013 của Hội Đồng Thành Viên Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam về việc phê duyệt danh sách các đơn vị thuộc Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên năm 2013.

- Quyết định 141/QĐ-HHVN ngày 09 tháng 04 năm 2013 của Hội Đồng Thành Viên Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng.

- Quyết định số 173/QĐ-HHVN ngày 24 tháng 04 năm 2013 của Tổng giám đốc Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng.

- Quyết định số 182/QĐ-HHVN ngày 04 tháng 05 năm 2013 của Tổng giám đốc Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam về việc thành viên Tổ giúp việc Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH Cảng Hải Phòng.

- Quyết định số 69/ QĐ – HHVN ngày 10/03/2014 phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng.

Nghị quyết số 608/NQ-HHVN ngày 10/03/2014 của HĐTV Tổng Công ty Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam về việc lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng phương án cổ phần hóa đồng ý lựa chọn SSI là đơn vị tư vấn xây dựng phương án CPH cho Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng.

Nghị quyết số 613/NQ-HHVN ngày 10 tháng 3 năm 2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn NĐT chiến lược đối với Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng.

- Biên bản và Nghị quyết hội nghị người lao động bất thường Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng ngày 01/04/2014 về việc thông qua phương án cổ phần hóa, chế độ mua cổ phần ưu đãi và nội dung Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP và thông qua phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi.

## **2. Ban chỉ đạo cổ phần hóa**

Ban chỉ đạo cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 141/QĐ-HHVN ngày 09/04/2013 của của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam gồm các thành viên sau:

**Bảng 1: Thành viên ban chỉ đạo cổ phần hóa**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>
1	Ông Vũ Khắc Từ	Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Trưởng ban
2	Ông Lê Phan Linh	Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Phó Trưởng ban thường trực
3	Ông Nguyễn Hùng Việt	Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Phó Trưởng ban
4	Ông Lương Đình Minh	Quyền Trưởng Ban Kế toán Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên thường trực
5	Ông Hoàng Thanh Hải	Trưởng ban Kế hoạch Đầu tư Tổng công ty Hàng

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>
		Hải Việt Nam – Ủy viên
6	Ông Nguyễn Cảnh Tinh	Trưởng Ban Tài chính Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên
7	Ông Nguyễn Danh Sơn	Trưởng ban Tư vấn và Đổi mới Phát triển doanh nghiệp Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên
8	Ông Nguyễn Văn Chung	Phó Trưởng Ban Tổ chức Tiền lương Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên
9	Ông Trịnh Hữu Lương	Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên
10	Ông Trần Đăng Hùng	Phó Trưởng Ban Quản lý khai thác cảng biển Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên
11	Ông Ngô Việt Anh	Trưởng phòng Pháp luật Hàng hải, Ban Pháp chế Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên
12	Ông Lê Duy Dương	Phó Trưởng Phòng Quản trị tài chính, Ban Tài chính Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên Thư ký
13	Ông Trần Tuấn Hải	Cán bộ, Ban Tư vấn và Đổi mới phát triển doanh nghiệp Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên Thư ký
14	Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Cán bộ, Ban Tư vấn và Đổi mới phát triển doanh nghiệp Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên Thư ký

### **3. Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa**

Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa được thành lập theo Quyết định số 173/QĐ-HHVN ngày 24/04/2013 và Quyết định số 182/QĐ-HHVN ngày 04/05/2013 của Tổng giám đốc Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam gồm các thành viên sau:

**Bảng 2: Thành viên tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>
1	Ông Nguyễn Hùng Việt	Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ trưởng
2	Ông Bùi Chiên Thắng	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ phó thường trực
3	Ông Trương Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng

TT	Họ và tên	Chức danh
		Hải Phòng – Tổ phó
4	Ông Cao Trung Ngoan	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ phó
5	Ông Phùng Xuân Hà	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ phó
6	Ông Hoàng Văn Cường	Trưởng Phòng Tổ chức nhân sự Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ viên
7	Ông Phạm Hồng Minh	Trưởng Phòng Kỹ thuật công trình Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ viên
8	Ông Nguyễn Tường Anh	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ viên
9	Ông Phan Tuấn Linh	Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ viên
10	Ông Nguyễn Văn Thanh	Trưởng phòng Lao động Tiền lương Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ viên
11	Ông Lê Thế Hùng	Trưởng phòng Khai Thác Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ viên
12	Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ viên

**4. Đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính**

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04.38689566

Fax: 04.38686248

Website: <http://kiemtoanava.com.vn>

**5. Đơn vị Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thuế

Địa chỉ: Phòng 201- Đơn nguyên 2 - Tòa nhà 262 Nguyễn Huy Tường - Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân - Hà Nội.

Điện thoại: 04.62662284

Fax: 04.62662285

Website: <http://www.atc-audit.com>

**6. Đơn vị tư vấn xây dựng phương án cổ phần hóa**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn



Trụ sở chính

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM  
Điện thoại: 08.38242897 Fax: 08.38242997

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: 04.39366321/04.62888885 Fax: 04.39366311  
Website: <http://www.ssi.com.vn>

## PHẦN II. THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG Ở THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

### 1. Thông tin cơ bản

- Tên tiếng Việt: Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng
- Tên giao dịch quốc tế: Hai Phong Port Holding Limited Liability Company
- Tên viết tắt: Port of Haiphong
- Địa chỉ giao dịch: Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Điện thoại: 031.3859945
- Fax: 031.3859973
- Website: haiphongport.com.vn
- Logo:



PORT OF HAI PHONG

- Giấy CNĐKKD: 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 02/06/2008, thay đổi lần thứ 4 ngày 25/02/2014
- Vốn điều lệ: 765.247.638.774 đồng (*Bằng chữ Bảy trăm sáu mươi lăm tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm bảy mươi tư đồng*).

### 2. Cơ sở pháp lý của việc thành lập

- Công văn số 17-NĐ ngày 21/03/ 1956 của Bộ Giao thông và Bưu điện về việc đặt Cảng Hải Phòng trực thuộc ngành vận tải thủy để phụ trách quản lý Cảng Hải Phòng theo chế độ doanh nghiệp.
- Quyết định số 136/CP của Hội đồng Bộ Trưởng ngày 10/07/1965 về việc thành lập Cục Vận tải đường biển, Cảng Hải Phòng là xí nghiệp trực thuộc.
- Quyết định số 300/QĐ của Chính phủ ngày 28/11/1978 về việc thành lập Tổng cục đường biển, trong đó Cảng Hải Phòng là đơn vị trực thuộc Tổng cục đường biển.
- Quyết định số 376 QĐ/TCCB - LD của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải ngày 11/3/1993, có thành lập lại Doanh nghiệp Nhà nước Cảng Hải Phòng.
- Quyết định số 250/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/04/1995 thành lập Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, trong đó Cảng Hải Phòng là doanh nghiệp trực thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

- Quyết định số 3088/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải ngày 12/10/2007 về việc chuyển đổi mô hình hoạt động Cảng Hải Phòng thành Công ty TNHH một thành viên.

### **3. Lịch sử hình thành và phát triển**

- Cảng Hải Phòng do Pháp xây dựng từ năm 1876 và chuyển giao lại cho chính quyền cách mạng năm 1955 sau khi Hải Phòng hoàn toàn được giải phóng.
- Ngày 21/3/1956, Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện (Nay là Bộ Giao thông vận tải) Nguyễn Trân đã ký Nghị Định số 17/NĐ về việc đặt Cảng Hải Phòng trực thuộc ngành vận tải thủy để phụ trách quản lý Cảng Hải Phòng.
- Ngày 25/6/1965, Cục đường biển Việt Nam có Quyết định số 162/QĐ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của Cảng Hải Phòng.
- Từ những năm 1960, Cảng Hải Phòng bắt đầu được xây dựng cải tạo lại theo thiết kế quy hoạch nâng cấp Cảng Hải Phòng do Liên Xô giúp đỡ. Đến khoảng năm 1982, việc xây dựng cải tạo Cảng cơ bản hoàn thành với 11 cầu tàu có tổng chiều dài khoảng 1.750 m tại khu vực Cảng chính, có thể đón tàu 10.000 DWT ra vào để xếp, dỡ hàng hoá. Từ năm 1960 đến 1985, Cảng Hải Phòng còn hình thành thêm khu vực Cảng Vật Cách, khu vực Cảng Đoạn Xá và Cảng Chùa Vẽ.
- Ngày 11/3/1993, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có Quyết định số 376/QĐ/TCCB - LD thành lập lại Doanh nghiệp Nhà nước Cảng Hải Phòng.
- Tháng 6 năm 2008, Cảng Hải Phòng chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động thành Công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước theo Quyết định số 3088/QĐ-BGTVT ngày 12/10/2007 của Bộ Giao thông vận tải.

#### **Thành tích đạt được**

- Năm 1968: Huân chương Chiến công Hạng Nhất
- Năm 1972: Huân chương Quân công Hạng ba
- Năm 1973: Huân chương Kháng chiến Hạng Nhì
- Năm 1973: Anh Hùng lực lượng vũ trang nhân dân
- Năm 1994: Huân chương Lao động Hạng Nhì
- Năm 1996: Giải thưởng Hồ Chí Minh
- Năm 1996: Bằng có công với nước
- Năm 1998: Anh hùng Lao động
- Năm 2003: Huân chương Độc lập Hạng Nhì
- Năm 1984 và năm 2009: 2 Huân chương Độc lập Hạng Ba
- Năm 2009: Huân chương Độc lập Hạng Nhất

Và nhiều bằng khen, cờ thi đua khác của Chính phủ và Bộ Giao thông Vận tải trao tặng.

#### 4. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 02/06/2008, thay đổi lần thứ 4 ngày 25/02/2014, ngành nghề đăng ký kinh doanh hiện tại của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng bao gồm:

Bảng 3: Ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bốc xếp hàng hóa	5224 (chính)
2	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
4	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng	6810
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Môi giới thuê tàu biển; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, nâng hạ hàng hóa; dịch vụ khai thuê hải quan	5229
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa	8299
8	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
9	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa container	3319
10	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh container	8129
11	Giáo dục nghề nghiệp	8532
12	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá	8610

#### 5. Cơ cấu lao động

Số lượng lao động của Công ty đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (ngày 10/03/2014) là 3.828 người. Trong đó, cơ cấu lao động theo trình độ như sau:

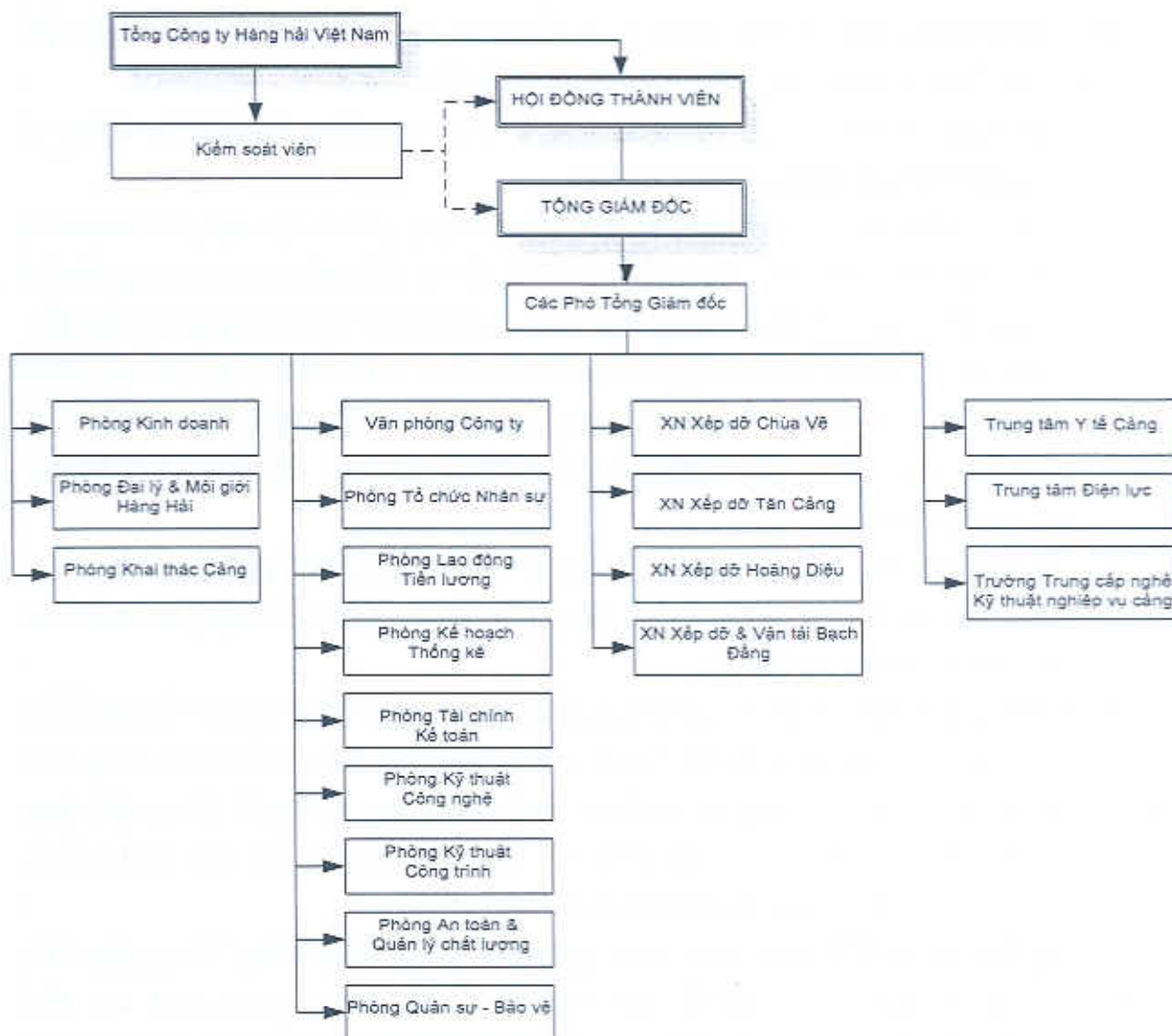
Bảng 4: Phân loại lao động của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

<b>Phân loại theo trình độ</b>	<b>Số lượng</b>
Số lao động có trình độ trên đại học	19
Số lao động có trình độ đại học	898
Số lao động có trình độ cao đẳng	152
Số lao động có trình độ trung cấp	92
Số lao động khác	2.667
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.828</b>

*Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, 2014*

#### 6. Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

Hình 1: Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng hiện nay



Công ty hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên với cơ quan quyền lực cao nhất là Hội đồng thành viên. Dưới Hội đồng thành viên là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và các phòng ban chịu trách nhiệm về các hoạt động cụ thể. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cần trọng của Hội đồng thành viên, Ban Điều hành và các phòng ban.

#### Chức năng, nhiệm vụ chính của các phòng ban

**Tổng giám đốc:** là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, trực tiếp chỉ đạo và giải quyết công việc các lĩnh vực: tài chính – kế toán, tổ chức - nhân sự, công tác đối ngoại, kế hoạch, đầu tư và phát triển, kiểm tra ... Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên công ty và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

**Phó Tổng giám đốc:** 4 Phó Tổng giám đốc giúp việc Tổng giám đốc bằng việc trực tiếp chỉ đạo giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực:

- Xây dựng cơ bản, đầu tư cơ sở hạ tầng, an toàn lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống lụt bão.
- Quản lý khai thác, điều hành sản xuất của Công ty gồm: xây dựng kế hoạch và điều hành sản xuất, khai thác cảng, tổ chức bố trí, điều động tàu, phương tiện ra vào các khu vực xếp dỡ của cảng (bao gồm cả trong cầu và khu Cảng chuyên tải).
- Công tác lao động, tiền lương, chế độ chính sách, hành chính, văn phòng, tuyên truyền, báo chí, công tác quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, y tế, quân sự - bảo vệ, và các phong trào hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong Công ty.
- Kinh doanh, tiếp thị, kho hàng, giao nhận vận chuyển, đóng gói hàng hóa.
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ, sửa chữa cơ khí, mua sắm nguyên nhiên vật liệu, vật tư, phụ tùng thiết bị.

**Văn phòng Công ty** tham mưu, tổng hợp giúp việc Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Công ty trong việc lập kế hoạch công tác và tổ chức, điều hành công việc theo chương trình và lịch công tác đã được lãnh đạo Công ty duyệt, đồng thời thực hiện công tác văn thư, lưu trữ và tổ chức các công việc thuộc lĩnh vực hành chính, quản trị, tuyên truyền, thi đua khen thưởng theo quy định.

**Phòng Tài chính Kế toán** tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty quản lý, điều hành việc tổ chức thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước về lĩnh vực tài chính và các lĩnh vực liên quan, nghiên cứu đề xuất các hình thức huy động vốn và sử dụng vốn, xây dựng kế hoạch hoạt động tài chính, thực hiện công tác thu chi, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện công tác thu chi theo quy định...

**Phòng Tổ chức nhân sự** tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty trên các lĩnh vực: Tổ chức, cán bộ, quản lý lao động, công tác đào tạo, công tác Thanh tra, khen thưởng, kỷ luật lao động và thực hiện các chế độ chính sách bảo hiểm xã hội của nhà nước đối với người lao động, công tác Bảo vệ chính trị nội bộ của Công ty

**Phòng Lao động Tiền lương** tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý tổ chức lao động, sử dụng lao động và Tiền lương; hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách của nhà nước đối với người lao động, nội quy, quy chế về tiền lương và thu nhập theo quy định.

**Phòng Quân sự Bảo vệ** tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty về công tác bảo vệ trật tự an toàn Cảng, công tác quân sự tự vệ quốc phòng của địa phương.

**Phòng Kỹ thuật Công nghệ** tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý, xây dựng kế hoạch đầu tư, đổi mới công nghệ, kế hoạch sửa chữa - bảo quản các phương tiện, máy móc, thiết bị (cả thiết bị điện), công cụ xếp dỡ, định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu trong vận hành, sửa chữa phương tiện, máy móc, thiết bị, công cụ xếp dỡ, xây dựng quy trình xếp dỡ.

**Phòng Khai thác** tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý, tổ chức khai thác cầu bến, khu vực chuyển tải, phương tiện, thiết bị đảm bảo an toàn, hiệu quả: thực hiện điều động, bố trí tàu và các phương tiện vận tải, kế hoạch xếp dỡ, rút hàng ở kho bãi, chỉ đạo và kiểm tra sản xuất ở hiện trường.

**Phòng Kế hoạch thống kê** tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty trong điều hành, quản lý công việc thuộc lĩnh vực xây dựng và giao kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn; thống kê phân tích hoạt động kinh tế, quản lý, khai thác toàn bộ hệ thống tin học và quản trị toàn bộ hệ thống mạng thông tin của Công ty.

**Phòng Kinh doanh** tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty trong quản lý công việc thuộc lĩnh vực Kinh doanh, tiếp thị và Pháp chế Giao nhận hàng hóa của Công ty gồm: xây dựng và quản lý các hợp đồng kinh tế về dịch vụ của Cảng, xây dựng biểu cước dịch vụ, tổ chức tính cước và lập chứng từ thu cước, và công tác tiếp thị, thị trường, phương án sản xuất kinh doanh.

**Phòng Đại lý và Môi giới Hàng Hải** tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành công việc thuộc lĩnh vực Dịch vụ Đại lý và Môi giới Hàng hải, An ninh Cảng Biển: giao dịch với các chủ tàu, chủ hàng để ký kết các hợp đồng Đại lý tàu biển và Môi giới hàng hải, thu xếp các công việc tạo điều kiện thuận lợi cho bốc xếp, giao nhận hàng hóa và các dịch vụ Hàng hải, tư vấn cho tàu ra vào Cảng xếp dỡ giao nhận các thủ tục theo quy định.

**Phòng Kỹ thuật Công trình** tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty quản lý, điều hành công việc thuộc lĩnh vực quản lý vùng đất, vùng nước của Cảng; giám sát kỹ thuật việc sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, gia cường, thay thế làm mới... các công trình Cảng, nhằm đảm bảo tuổi thọ của các công trình đã có, nâng cao chất lượng của cơ sở hạ tầng; xây dựng quy hoạch phát triển Cảng, khảo sát và lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật và gia công sửa chữa các công trình của Cảng; Lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công các công trình đầu tư theo các quy định hiện hành.

**Phòng An toàn và quản lý chất lượng:** Tham mưu giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành công việc thuộc lĩnh vực an toàn, bệnh nghề nghiệp của người lao động; bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ thuộc công ty; quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008, Hệ thống quản lý môi trường ISO14001: 2004; tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật của công ty.

**Trung tâm Điện lực** xây dựng kế hoạch quản lý, quy hoạch, vận hành, tiêu thụ điện năng; tổ chức sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ theo quy định của ngành điện và theo kế hoạch; phối hợp giải quyết các sự cố về điện trong toàn hệ thống điện của Cảng.

**Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng** đào tạo công nhân các ngành, nghề đặc thù của Công ty, bổ túc tay nghề cho công nhân, huấn luyện quy trình công nghệ cho công nhân, quản lý các lớp bổ túc và bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cho CBCNV.

**Trung tâm Y tế** có chức năng, nhiệm vụ: Theo dõi bệnh nghề nghiệp, Dịch vụ khám chữa bệnh cho các doanh nghiệp và nhân dân, Dịch vụ làm công tác vệ sinh phòng bệnh cho các doanh nghiệp, Dịch vụ y tế dự phòng cho các doanh nghiệp, Dịch vụ cấp cứu cho bệnh nhân tại hiện trường sản xuất, tại gia đình.

Cơ cấu tổ chức trên chưa bao gồm các tổ chức Đảng, Đoàn thể theo quy định của pháp luật.

## 7. Cơ cấu sở hữu của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

Bảng 5: Danh sách các chi nhánh – xí nghiệp phụ thuộc của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

TT	Tên đơn vị
1	Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ
2	Xí nghiệp Xếp dỡ Tân Cảng
3	Xí nghiệp Xếp dỡ Hoàng Diệu
4	Xí nghiệp Xếp dỡ và Vận tải Bạch Đằng

*Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, 2014*

Bảng 6: Danh sách công ty con của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

TT	Tên đơn vị	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị góp vốn (đồng)
1	CTCP Lai dắt và vận tải Cảng	27.000.000.000	60%	16.200.000.000

Hải Phòng				
2	CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	200.000.000.000	51%	102.000.000.000

*Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, 2014*

Bảng 7: Danh sách công ty liên kết của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

TT	Tên đơn vị	Vốn điều lệ (Đồng)	Tỷ lệ/Vốn thực góp	Giá trị góp vốn (đồng)
1	CTCP Vinalines Đông Bắc (*)	20.000.000.000	58,82%	5.000.000.000
2	CTCP vận tải Container Đông Đô	19.541.000.000	32,24%	6.300.000.000
3	CTCP đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng	86.004.050.000	36,56%	31.440.000.000
4	CTCP Logistics Cảng Sài Gòn	14.907.000.000	20,12%	3.000.000.000
5	CTCP đầu tư và thương mại Hàng hải Hải Phòng	85.098.700.000	27,61%	23.500.000.000
6	Trường cao đẳng nghề Hàng Hải Việt Nam	18.250.000.000	27,40%	5.000.000.000

*Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, 2014*

Ghi chú: Đến thời điểm hiện tại, vốn điều lệ đăng ký của CTCP Vinalines Đông Bắc là 20 tỷ đồng, tỷ lệ cam kết góp vốn của Cảng Hải Phòng trên vốn điều lệ của CTCP Vinalines Đông Bắc là 25%. Tuy nhiên vốn thực góp của Vinalines Đông Bắc đến thời điểm hiện tại là 8,5 tỷ đồng, do vậy tỷ lệ/vốn thực góp của Cảng Hải Phòng tại Vinalines Đông Bắc là 58,82%. Công ty không nắm quyền kiểm soát tại Vinalines Đông Bắc và không hạch toán báo cáo tài chính của Vinalines vào báo cáo tài chính hợp nhất của Cảng Hải Phòng.

Bảng 8: Danh sách công ty có vốn góp của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

TT	Tên đơn vị	Vốn điều lệ (Đồng)	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị góp vốn (đồng)
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam	7.952.069.000.000	0,17%	13.154.520.000
2	CTCP tin học và công nghệ Hàng Hải	4.500.000.000	2,92%	131.300.000
3	CTCP Vinalines Logistics	141.621.300.000	1,41%	2.000.000.000

TT	Tên đơn vị	Vốn điều lệ (Đồng)	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị góp vốn (đồng)
4	CTCP Chứng khoán Hải Phòng	401.306.200.000	0,06%	250.000.000

*Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, 2014*

### **8. Quá trình đổi mới và sắp xếp lại doanh nghiệp thành viên**

Công ty đã thực hiện chương trình sắp xếp đổi mới nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp Nhà nước, đổi mới quản lý Cảng sang hoạt động theo cơ chế thị trường, xoá bỏ bao cấp, coi trọng chất lượng dịch vụ, từng bước sắp xếp lại tổ chức tiến hành cổ phần hóa 5 xí nghiệp thành phần gồm:

- Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp được cổ phần hóa từ tháng 9 năm 2000 thành Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng.
- Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá được cổ phần hóa từ tháng 10 năm 2001, nay hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá.
- Xí nghiệp Xếp dỡ Cảng Vật Cách được cổ phần hóa năm 2001, nay hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách.
- Xí nghiệp Công trình được cổ phần hóa năm 2003, nay hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần dịch vụ kỹ thuật Cảng Hải Phòng.
- Xí nghiệp Xếp dỡ và Vận tải thủy được cổ phần hóa từ tháng 11 năm 2009, nay hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng.

Đến nay các Công ty cổ phần đều hoạt động hiệu quả và phát triển.

Năm 2002, Cảng Hải Phòng đã huy động vốn thành lập Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ với tỷ lệ góp vốn chi phối là 51%. Hiện Công ty CP Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DVP.

Cảng Hải Phòng cũng là Cảng biển đầu tiên ở khu vực phía Bắc áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001-2008 và là một trong những cảng đầu đàn ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý điều hành sản xuất.

### **9. Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng 3 năm trước cổ phần hóa**

Được hình thành từ năm 1874, đến nay Cảng Hải Phòng đã trải qua gần 140 năm xây dựng và phát triển để vươn lên thành cảng biển lớn nhất khu vực phía Bắc Việt Nam. Với vị trí nằm trong vùng tam giác kinh tế Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh,

Cảng Hải Phòng được đánh giá là địa điểm thuận lợi cho các hoạt động vận tải/ giao thương của khu vực phía Bắc Việt Nam.

Về kết nối giao thông đường bộ, Cảng Hải Phòng có vị trí tại thành phố là đầu mối giao thông trọng điểm:

- Hà Nội – Hải Phòng: Đường 5
- Hải Phòng – Thái Bình – Nam Định: Đường 10
- Hải Phòng – Quảng Ninh: Đường 18

Hệ thống đường bộ này đóng một vai trò quan trọng trong việc lưu thông hàng hóa giữa Cảng Hải Phòng và vùng hậu phương miền Bắc Việt Nam.

Về kết nối đường sắt, Cảng Hải Phòng là cảng duy nhất tại Việt Nam có hệ thống đường sắt kết nối trực tiếp đến Cảng. Hiện tại, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam khai thác các chuyến đường sắt với lịch chạy hàng ngày tuyến Hải Phòng – Hà Nội và 2 ngày một chuyến vận chuyển hàng hóa giữa Hải Phòng và Lào Cai (sát biên giới Vân Nam – Trung Quốc).

Về kết nối đường thủy, xà lan có trọng tải đến 1.000 tấn có thể vận chuyển hàng hóa thông qua mạng lưới đường sông giữa Hải Phòng và Quảng Ninh (sát biên giới Đông Nam Trung Quốc) và vận chuyển ngược lên thượng lưu các tỉnh nằm ở phía Bắc Hải Phòng.

Về kết nối đường không, sân bay quốc tế Nội Bài cách Hải Phòng 120km và sân bay nội địa Cát Bi – cách khu cảng chính 5km, tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không.

Hiện tại Cảng Hải Phòng khai thác dịch vụ cảng và vận tải trên hệ thống hạ tầng cảng gồm:

Bảng 9: Năng lực hạ tầng khai thác dịch vụ cảng

Tên	Số lượng cầu/ bến	Chiều dài	Trọng tải tàu tối đa có thể tiếp nhận	Loại hàng tiếp nhận	Hạ phương
<b>I. Cảng</b>					
Cảng Hoàng Diệu (cảng chính)	3 cầu tàu 8 cầu tàu	495 m 1.222 m	40.000 DWT 30.000 DWT	Hàng container Hàng bách hóa, hàng rời, bao	31.320 m <sup>2</sup> kho 163.000 m <sup>2</sup> bãi container
Cảng Chùa Vẽ	5 cầu tàu	848m	10.000 DWT	Hàng container	3.300 m <sup>2</sup> kho CFS 179.400 m <sup>2</sup> bãi container
<b>Tân Cảng Hải Phòng</b>					
<b>II. Bến/Vịnh/Khu chuyển tải</b>					
Bến nổi Bạch Đằng	3 bến phao	981m	40.000 DWT 7.000 DWT	Hàng container Hàng bách hóa, Container	250.000 m <sup>2</sup> bãi 2.700 m <sup>2</sup> bãi chuyên phục vụ đóng rút hàng container
Vùng neo Hạ Long	3 điểm neo		30.000 DWT	Hàng bách hóa, Container	3 điểm neo cho tàu hàng khô
Vịnh Lan Hạ	3 bến phao	Bán kính neo từ 250 m đến 300 m	Từ 25.000DWT đến 40.000 DWT	Chuyển tải dầu	
Khu chuyển tải Bến Gót	2 điểm neo	Bán kính neo 225 m	15.000 DWT		

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, 2014

## 9.1. Lĩnh vực kinh doanh

Với hệ thống cơ sở hạ tầng và lợi thế về vị trí địa lý nêu trên, Công ty đã và đang cung cấp dịch vụ cho các khách hàng là các hãng tàu quốc tế lớn, hay các chủ hàng nội địa. Các dịch vụ chính của Công ty bao gồm (i) Bốc xếp hàng hóa (ii) Cho thuê bến bãi và dịch vụ lưu kho bảo quản hàng hóa tại cảng (iii) Lai dắt/hỗ trợ tàu và chuyển tải (iv) Kinh doanh dịch vụ phụ trợ khác.

### 9.1.1. Hoạt động bốc xếp

Hoạt động bốc xếp là hoạt động chính và chiếm tới trên 75% doanh thu cho Công ty, bao gồm doanh thu từ dịch vụ bốc xếp hàng container (70% tổng doanh thu bốc xếp) và doanh thu bốc xếp hàng rời.

Với đặc thù của dịch vụ xếp dỡ hàng rời cần lực lượng lao động lớn, phát sinh nhiều hao hụt/tồn thất trong quá trình giao nhận, đồng thời phải duy trì hệ thống nhà xưởng/kho bãi đủ tiêu chuẩn tiếp nhận hàng trong khi doanh thu không cao nên các doanh nghiệp khác thường tập trung vào dịch vụ xếp dỡ hàng container. Tuy nhiên, nhằm đảm bảo mục tiêu phục vụ phát triển nông nghiệp đất nước, Công ty vẫn tiếp tục sử dụng hệ thống 8 cầu cảng và nhà kho sẵn có phục vụ cho việc xuất nhập khẩu hàng rời/hàng bách hóa tại cảng Hoàng Diệu và là một trong số ít các doanh nghiệp tại khu vực Hải Phòng còn cung cấp dịch vụ bốc xếp cho mặt hàng này.

Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục đầu tư nâng cao năng suất bốc xếp hàng container tại khu vực Tân Cảng Hải Phòng, cảng Chùa Vẽ nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu của khu vực. Theo kế hoạch, Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện việc đầu tư trang thiết bị để đưa Tân Cảng Hải Phòng trở thành cảng container lớn nhất miền Bắc.

Bảng 10: Sản lượng hàng rời/ hàng container qua các năm

	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Hàng rời	Nghìn tấn	12.404	13.066	13.797
Hàng container	Nghìn TEU	1.018	964	1.040

*Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, 2014*

### 9.1.2. Dịch vụ lưu kho bãi

#### a. Bãi và dịch vụ bãi

Hiện nay bãi và các dịch vụ bãi là hoạt động hiệu quả nhất và mang lại lợi nhuận lớn nhất cho Công ty. Công ty đang cung cấp dịch vụ bãi container có hải quan kiểm hóa cho nhiều hãng tàu trên hệ thống 2 bãi container tại cảng Chùa Vẽ, và Tân Cảng

Hải Phòng với tổng diện tích trên 343.565m<sup>2</sup>. Khối lượng container thông quan bình quân 5 năm trở lại đây của cảng đạt mức 958.384 TEU/năm (riêng năm 2013 đạt 1.040.000 TEU) với tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt 27%. Bên cạnh đó, Công ty còn quản lý 20 bãi hàng bách hóa với tổng diện tích 141.455 m<sup>2</sup> tại cảng Hoàng Diệu, Tân Cảng Hải Phòng, bến nổi Bạch Đằng. Cảng Hải Phòng có góp vốn với Công ty Cổ phần Logistic Cảng Sài Gòn kinh doanh khai thác bãi container với diện tích 5ha tại khu vực Đình Vũ để cung cấp dịch vụ kho bãi cho các khách hàng.

Số lượng, năng lực thiết bị nâng hạ phục vụ khai thác bãi hiện nay của Cảng Hải Phòng lớn nhất khu vực miền Bắc và tương đối hiện đại (phần lớn được đầu tư mới trong giai đoạn 2012 – 2014).

Trong dịch vụ bãi Container, sản lượng phân sấu (nâng hạ, di chuyển vỏ rỗng) luôn là một trong các yếu tố tạo nên hao phí lớn cho doanh nghiệp. Công ty đã đưa vào sử dụng cần trục giàn RTG mới sử dụng hệ thống lái tự động và định vị container trên bãi bằng công nghệ bằng công nghệ DGPS tại Tân Cảng Hải Phòng, ứng dụng phần mềm CTMS quản lý bến container tại cảng Chùa Vẽ. Việc quy hoạch, xếp dỡ khoa học hợp lý này cũng giúp Công ty nâng cao chất lượng dịch vụ đối với khách hàng như: giảm thời gian chờ đợi nâng/hạ vỏ (do xác định được vị trí chính xác cần nâng hạ Container trên máy tính so với thực tế), giảm thời gian di chuyển của phương tiện vận tải cũng như thiết bị nâng hạ do phải đi tìm container so với việc sử dụng các dịch vụ bãi thông thường (không có phần mềm tìm kiếm vị trí).

Ngoài ra, Công ty chú trọng bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên hiện trường giúp điều phối sản xuất tại bãi thông suốt và giải quyết kịp thời các phát sinh cho khách hàng, chủ xe.

#### **b. Kho và dịch vụ kho**

Hệ thống nhà kho và diện tích sử dụng để bảo quản hàng hóa của Công ty lớn nhất khu vực Hải Phòng. Trong đó, Công ty duy trì 3 hệ thống kho bao gồm:

##### **- Kho bảo quản và giao hàng hóa:**

Kho CFS (container freight station): là địa điểm kho được hải quan cấp phép chứng nhận khai thác, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu gửi bằng container. Dịch vụ kho CFS cung cấp cho các khách hàng sự thuận tiện và giảm chi phí về cước đường biển nhưng vẫn đảm bảo an toàn cho hàng hóa do quy định bảo quản nghiêm ngặt về hàng hóa trong kho.

Công ty đặc biệt chú trọng nâng cao nghiệp vụ thủ tục hải quan, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu, đặc biệt chú ý với quản lý khai thác kho CFS và thực hiện tốt các hợp đồng đã ký.

**- Kho gom hàng lẻ, hàng rời đường biển:**

Công ty có hệ thống khách hàng ký hợp đồng dài hạn để gom hàng, lưu trữ tại kho, đóng hàng vào container xuất khẩu. Đặc điểm của việc lưu kho, giao nhận loại hàng hóa này là cần sự chính xác tuyệt đối về bao kiện, nhãn mác hàng hóa, cũng như các phương thức đóng hàng sao cho sử dụng được tối đa dung tích container để giảm chi phí. Do hoạt động trong lĩnh vực này trong một thời gian dài nên Công ty đã tích lũy được kiến thức và kinh nghiệm khai thác xếp dỡ, quy hoạch cũng như quy trình kiểm soát, kiểm đếm hàng hóa và luôn tuân theo các tiêu chí (SOP) khai thác của các khách hàng lớn nên chất lượng dịch vụ luôn được khách hàng đánh giá cao.

**- Kho bảo quản hàng dưới hình thức ký hợp đồng ba bên với ngân hàng:**

Cảng cung cấp dịch vụ bảo quản hàng hóa cho các doanh nghiệp cần nguồn vốn ngân hàng, tạo thuận lợi cho tiềm lực kinh doanh của khách hàng.

**9.1.3. Hoạt động chuyển tải và kinh doanh dịch vụ phụ trợ khác**

Các nghiệp vụ phụ trợ khác là dịch vụ gia tăng cho các hãng tàu/ chủ hàng giao dịch tại cảng bao gồm: dịch vụ cân hàng, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa ...

**9.2. Nguyên, nhiên vật liệu và chi phí đầu vào**

Với đặc trưng của hoạt động kinh doanh dịch vụ chính là thực hiện xếp dỡ, vận chuyển hàng hóa, nguồn nhiên liệu chủ yếu của Công ty là xăng, dầu Diesel và dầu mỡ bôi trơn. Vì thế, sự biến động giá cả của xăng dầu trên thị trường quốc tế và trong nước thời gian vừa qua đã có những ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, để giảm bớt tác động xấu của những biến động về giá xăng dầu đối với hoạt động kinh doanh, Công ty đã ký kết hợp đồng nguyên tắc cung cấp nhiên liệu có thời hạn 1 năm với các nhà cung cấp có uy tín.

Các nguyên vật liệu và phụ tùng thay thế khác gồm: ốc quy, sãm lốp ô tô, sãm lốp xe nâng hàng, cần trục RTG, và các thiết bị khác được cân đối giữa việc ký hợp đồng dài hạn nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm và đấu thầu chào giá cạnh tranh để đảm bảo mức chi phí hợp lý.

**9.3. Trình độ công nghệ**

Chất lượng dịch vụ phụ thuộc phần lớn vào hệ thống máy móc chuyên dụng sẵn sàng phục vụ các hoạt động vận tải, xếp dỡ. Công ty đã đầu tư trang bị hệ thống máy móc thiết bị phụ trợ tương đối hoàn thiện từ tuyến tiền phương đến tuyến hậu phương

phù hợp với hàng rời và hàng container, đồng thời ứng dụng hệ thống thông tin quản lý điện tử và hệ thống phần mềm CTMS quản lý bến container tại xí nghiệp xây dựng Chùa Vẽ.

Bảng 11: Phương tiện phục vụ khai thác dịch vụ cảng

STT	Tên phương tiện	Số lượng
<b>Tuyến tiền phương</b>		
1.	Cần trục giàn QC xếp dỡ container, sức nâng 35,6 – 40 tấn	08 chiếc
2.	Cần trục chân đế Sokol, Kondor, Tukan xếp dỡ container, hàng bách hóa, hàng rời, có sức nâng từ 32 – 45 tấn	18 chiếc
3.	Các cần trục chân đế Kirov xếp dỡ hàng rời, hàng bách hóa, có sức nâng từ 5 – 16 tấn	21 chiếc
4.	Cần trục nổi, sức nâng 80 tấn	01 chiếc
<b>Tuyến hậu phương</b>		
5.	Cần trục giàn RTG xếp dỡ hàng container, có sức nâng từ 35,6 – 40 tấn	16 chiếc
6.	Xe nâng hàng ReachStacker xếp dỡ container, có sức nâng từ 40-45 tấn	17 chiếc
7.	Cần trục bánh lốp xếp dỡ hàng bách hóa, có sức nâng từ 35 – 70 tấn	05 chiếc
8.	Xe xúc gạt làm hàng rời	19 chiếc
9.	Xe nâng hàng Sidelift, sức nâng 7 tấn	03 chiếc
10.	Xe nâng hàng Forklift sức nâng từ 3 – 30 tấn	52 chiếc
11.	Xe ô tô đầu kéo vận chuyển container 20', 40' và xe ô tô vận chuyển hàng hóa khác	88 chiếc
<b>Các công cụ xếp dỡ, cân hàng</b>		
12.	Gầu ngoạm cơ khí làm hàng rời dung tích từ 3,5 – 9m <sup>3</sup>	74 chiếc
13.	Gầu ngoạm điều khiển từ xa làm hàng rời, dung tích từ 4,5 – 12 m <sup>3</sup>	21 chiếc
14.	Cân treo làm hàng rời, trọng tải 30 tấn	19 chiếc
15.	Cân ô tô trọng tải từ 80-120 tấn	06 trạm
16.	Khung cầu container bán tự động loại 20', 40', sức nâng từ 35-50 tấn	46 chiếc
17.	Khung cầu container tự động, sức nâng từ 32-40 tấn	12 chiếc

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, 2014

#### 9.4. Nghiên cứu và phát triển

Cảng Hải Phòng xác định việc đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng bộ là điều kiện tiên quyết để Công ty có thể nâng cao chất lượng dịch vụ cảng. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử trong quản lý, khai thác Cảng được Công ty tập trung đầu tư. Công ty hiện đang đầu tư hệ thống tin học đồng bộ với phương tiện thiết bị để quản lý và khai thác bến container tại xí nghiệp xếp dỡ Tân Cảng, và dự kiến sẽ đưa vào sử dụng trong năm 2015.

#### 9.5. Hệ thống quản lý chất lượng

Công ty đảm bảo cung cấp dịch vụ có chất lượng cao cho mọi khách hàng, thông qua việc áp dụng, duy trì và vận hành có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 đã được nâng cấp lên phiên bản ISO 9001:2008 (trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn QUACERT - Việt Nam và tập đoàn SGS của Thụy Sĩ cấp ngày 09/06/2004).

#### 9.6. Hoạt động Marketing

Công ty chú trọng đến hoạt động marketing để chăm sóc khách hàng cũ, đồng thời mở rộng đối tượng khách hàng mới, khách hàng tiềm năng. Công ty xác định chất lượng dịch vụ là nhân tố quan trọng nhất để thu hút khách hàng. Do đó, bên cạnh việc liên tục đầu tư thêm phương tiện mới, cải tiến công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động cũng như chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn hàng hóa cho khách hàng, Công ty còn tập trung tăng cường hoàn thiện quy trình quản lý chất lượng ISO, cải tiến tinh giản các thủ tục hành chính để tiết kiệm thời gian và chi phí, đồng thời giúp quản lý điều hành được thông suốt, nâng cao uy tín với khách hàng. Công ty thường xuyên tổ chức việc đối thoại với khách hàng lớn và lắng nghe các ý kiến phản hồi của khách hàng. Công ty còn áp dụng chính sách giá ưu đãi giá đối với những khách hàng thân thiết.

#### 9.7. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 21202/QĐ-SHTT ngày 16/10/2008 của Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ và Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu số 111500 cấp ngày 16/10/2008.



Ý nghĩa của logo:

Logo Công ty được thiết kế từ ý tưởng tên viết tắt của Công ty: Cảng Hải Phòng. Nhìn tổng thể, logo mô phỏng hình dáng con tàu tiến về phía trước với hình tượng chữ P là đầu tàu với cần tàu ở đầu, chữ C là móc cần cầu.

#### 9.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện

Với đặc thù là đơn vị cung cấp dịch vụ cảng, Công ty thường ký 2 loại hợp đồng với khách hàng gồm hợp đồng chuyển và hợp đồng năm. Theo đó, hợp đồng chuyển được tính theo lô hàng được chuyên chở trên tàu biển, áp dụng cho các khách hàng là những khách hàng mới, không thường xuyên, khối lượng hàng hóa không nhiều và chưa có tín nhiệm trên thanh toán. Trong quá trình thực hiện, Công ty làm phiếu báo giá và yêu cầu khách hàng ứng trước 70 – 100% giá trị dự kiến của hợp đồng kinh tế. Sau khi lấy hết hàng từ 5 – 7 ngày, Công ty và khách hàng thanh lý hợp đồng. Hợp đồng năm áp dụng cho tất cả các khách hàng truyền thống đã có thời gian làm hàng tại cảng từ 3 năm trở lên, có lượng hàng hóa nhiều và có tín nhiệm trong thanh toán. Thời hạn thanh toán đối với hàng ngoài container là 7 ngày sau khi nhận hóa đơn thanh toán. Thời hạn thanh toán đối với hàng container là từ 30 – 45 ngày.

Bảng 12: Danh mục các hợp đồng lớn Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

STT	Đối tác	Loại hàng
1	CTCP DABACO Việt Nam	Thức ăn gia súc
2	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Sao Mai	Thức ăn gia súc
3	Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trung Thành	Thức ăn gia súc
4	Chi nhánh CTCP sản xuất thức ăn gia súc PROCONCO	Thức ăn gia súc
5	CTCP hóa chất công nghiệp Tân Long	Thức ăn gia súc
6	CTCP Vận tải I TRACO	Bách hóa
7	Công ty liên doanh Canxi Cacbonat	Bột đá
8	CTCP dịch vụ đường sắt Hải Phòng	Quặng
9	Chi nhánh Công ty TNHH ống thép Hòa Phát	Sắt thép
10	Công ty TNHH MTV Vật tư và Vận tải ITASCO	Sắt thép
11	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Nam Phát	Sắt thép
12	Công ty TNHH Vận tải Đại Việt Logistics	Thiết bị
13	Chi nhánh CTCP Vận tải đa phương thức – Công ty vận tải đa phương thức 1	Thiết bị
14	NORTHFREIGHT	Đại lý tàu
15	VOSA	Đại lý tàu
16	VIETFRACHT	Đại lý tàu

STT	Đối tác	Loại hàng
17	AGELINES	Đại lý tàu
18	THORASEN VINAMA	Đại lý tàu
19	Mearsk	Container
20	WHI	Container
21	RCL	Container
22	HA	Container
23	Vinafco	Container
24	CMA	Container
25	Dương Đông	Container
26	Biển Đông XNK	Container
27	VTB Nam Triệu	Container
28	Hainan PO	Container

*Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, 2014*

### 9.9. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

Bảng 13: Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 3 năm trước cổ phần hóa

Chỉ tiêu	Đơn vị: triệu đồng		
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Vốn chủ sở hữu	1.173.267	1.295.000	1.439.894
Doanh thu thuần	1.675.448	1.925.035	1.939.102
Giá vốn	1.307.727	1.610.137	1.548.117
Lợi nhuận gộp	367.721	314.898	390.985
<i>Tỷ suất lợi nhuận gộp</i>	<i>22%</i>	<i>16%</i>	<i>20%</i>
Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)	256.284	315.819	477.401
<i>Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)/Doanh thu</i>	<i>15,3%</i>	<i>16,4%</i>	<i>24,6%</i>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	221.121	266.956	418.737
<i>Tỷ suất lợi nhuận thuần/Doanh thu</i>	<i>13%</i>	<i>14%</i>	<i>22%</i>
Lợi nhuận trước thuế	237.254	293.100	459.566
Lợi nhuận sau thuế	219.496	258.659	385.171
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	75.897	92.626	97.265
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	143.599	166.033	287.906

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	18,7%	20,0%	26,7%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	13,10%	13,44%	19,86%
Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	7,8%	9,2%	12,6%

*Nguồn: BCTC hợp nhất Công ty đã được kiểm toán năm 2011, 2012, 2013*

*- Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng*

Kết quả kinh doanh hợp nhất nêu trên bao gồm kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng.

**Bảng 14: Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ trong 3 năm trước khi cổ phần hóa**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: Triệu đồng		
	2011	2012	2013
1. Tổng giá trị tài sản	2.162.732	2.071.519	2.183.326
2. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	798.930	918.434	918.434
3. Nợ vay ngắn hạn	114.741	38.795	31.618
4. Nợ vay dài hạn	711.333	620.726	474.264
5. Tổng số lao động (người)	3.557	3.650	3.740
6. Tổng quỹ lương	394.606	481.418	477.380
7. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	9,24	10,99	10,64
8. Tổng doanh thu	1.304.334	1.514.722	1.564.290
9. Giá vốn hàng bán	1.007.177	1.276.245	1.200.561
10. Tổng chi phí gián tiếp khác	231.892	112.717	111.579
11. Lợi nhuận thực hiện	65.266	125.760	252.150
12. Lợi nhuận sau thuế	62.260	104.905	191.166
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn nhà nước	7,8%	11,4%	20,8%

*Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC năm 2013*

*- Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng*

### 9.9.1. Phân tích doanh thu Công ty mẹ

Doanh thu của Công ty mẹ Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng đến từ các nhóm dịch vụ chính gồm (i) phí dịch vụ bốc xếp (ii) phí dịch vụ cho thuê kho/bãi (iii) phí dịch vụ chuyển tải, lai dắt và hỗ trợ tàu cập cảng (iv) doanh thu kinh doanh các dịch vụ phụ trợ khác. Cơ cấu và tỷ trọng doanh thu khá ổn định qua các năm. Cụ thể:

Bảng 15: Cơ cấu doanh thu và thu nhập trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Doanh thu	2011	%	2012	%	2013	%
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.202.356</b>	<b>92%</b>	<b>1.372.573</b>	<b>91%</b>	<b>1.358.245</b>	<b>87%</b>
<i>Bốc xếp</i>	<i>959.988</i>	<i>74%</i>	<i>1.015.533</i>	<i>67%</i>	<i>1.112.497</i>	<i>71%</i>
<i>Lưu kho bãi</i>	<i>155.985</i>	<i>12%</i>	<i>281.806</i>	<i>19%</i>	<i>164.346</i>	<i>12%</i>
<i>Chuyển tải</i>	<i>44.045</i>	<i>3%</i>	<i>47.023</i>	<i>3%</i>	<i>41.223</i>	<i>3%</i>
<i>Dịch vụ phụ trợ khác</i>	<i>42.338</i>	<i>3%</i>	<i>28.211</i>	<i>2%</i>	<i>40.179</i>	<i>3%</i>
<b>Doanh thu tài chính</b>	<b>96.083</b>	<b>7%</b>	<b>120.032</b>	<b>8%</b>	<b>169.305</b>	<b>11%</b>
<i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	<i>53.233</i>	<i>4%</i>	<i>42.340</i>	<i>3%</i>	<i>12.807</i>	<i>1%</i>
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	<i>15.489</i>	<i>1%</i>	<i>53.174</i>	<i>4%</i>	<i>124.194</i>	<i>8%</i>
<i>Lãi tiền gửi ngân hàng</i>	<i>26.516</i>	<i>2%</i>	<i>24.042</i>	<i>2%</i>	<i>25.734</i>	<i>2%</i>
<i>Hoạt động khác</i>	<i>846</i>	<i>0%</i>	<i>476</i>	<i>0%</i>	<i>6.569</i>	<i>0%</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>5.895</b>	<b>0%</b>	<b>22.117</b>	<b>1%</b>	<b>36.739</b>	<b>2%</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.304.334</b>		<b>1.514.722</b>		<b>1.564.290</b>	

*Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC năm 2013  
- Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng*

#### a. Doanh thu hoạt động bốc xếp

Đây là hoạt động truyền thống của cảng và mang lại doanh thu lớn nhất cho Công ty. Doanh thu hoạt động bốc xếp tăng dần đều trong 3 năm vừa qua, cụ thể doanh thu hoạt động bốc xếp năm 2012 tăng 6% so với năm 2011, năm 2013 tăng 10% so với năm 2012.

#### b. Doanh thu hoạt động cho thuê kho, bãi

Năm 2012, doanh thu hoạt động cho thuê kho, bãi đạt mức 282 tỷ đồng tương đương với 19% tổng doanh thu. Sang đến năm 2013, hoạt động kinh doanh kho bãi trở lại với mức trung bình 12% tổng doanh thu và ở mức 164 tỷ đồng.

#### c. Doanh thu hoạt động chuyển tải phụ trợ khác

Bên cạnh doanh thu từ hoạt động bốc xếp và hoạt động cho thuê kho bãi, Công ty còn có doanh thu từ các hoạt động phụ trợ khác như doanh thu từ hoạt động chuyển tải hàng hóa, doanh thu từ hoạt động cân đếm hàng,... Tỷ trọng đóng góp doanh thu của mảng hoạt động này ổn định trong các năm vừa qua.

**d. Doanh thu tài chính và thu nhập khác**

Doanh thu tài chính của Công ty chủ yếu đến từ lãi tiền gửi ngân hàng và đầu tư góp vốn. Năm 2012 và năm 2013, Công ty được hưởng lợi do lãi chênh lệch tỷ giá từ khoản vay ODA bằng JPY khi tỷ giá JPY/VND giảm mạnh. Phần lợi nhuận cổ tức được chia từ phần đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển cảng Đình Vũ cũng đóng góp tỷ lệ lớn vào doanh thu Công ty mẹ. Thu nhập khác là thu nhập từ việc bán phế liệu, thu tiền điện cho thuê, thu xử lý hàng tồn đọng tại cảng... Riêng năm 2013 thu nhập khác phát sinh khoản bất thường là 30 tỷ đồng từ việc hạch toán tăng khoản thu do góp vốn bằng quyền sử dụng đất với đối tác.

Trong giai đoạn năm 2010 - 2011, Công ty trả nợ vốn vay ODA trong bối cảnh tỷ giá đồng JPY tăng cao, do đó Công ty đã ghi nhận khoản lỗ chênh lệch tỷ giá lần lượt là 83 và 115 tỷ đồng. Sang năm 2012 trước xu hướng tỷ giá đồng JPY giảm mạnh Công ty đã ghi nhận khoản lãi chênh lệch tỷ giá khoảng 52 tỷ đồng và năm 2013 là 124 tỷ đồng. Bên cạnh đó, chi phí lãi vay giảm mạnh trong năm 2012 – 2013 cùng với xu hướng thị trường chứng khoán khôi phục vào thời điểm cuối năm, các doanh nghiệp đầu tư góp vốn có kết quả kinh doanh hiệu quả đã giúp Công ty hạch toán khoản lãi từ hoạt động đầu tư, đồng thời hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán 6,3 tỷ đồng vào cuối năm 2013. Đây là các yếu tố khiến lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế của Công ty vẫn giữ được mức tăng trưởng so với các năm trước, đặc biệt năm 2013 tăng 82% so với năm 2012.

**9.9.2. Phân tích chi phí Công ty mẹ**

Bảng 16: Cơ cấu chi phí Công ty mẹ trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

Giá vốn	Đơn vị tính: Triệu đồng					
	2011	%	2012	%	2013	%
<b>Giá vốn</b>	<b>1.007.176</b>	<b>81%</b>	<b>1.276.246</b>	<b>92%</b>	<b>1.200.561</b>	<b>91%</b>
<i>Bốc xếp</i>	835.273	67%	1.088.999	78%	1.007.378	77%
<i>Lưu kho bãi</i>	69.288	6%	84.315	6%	74.644	6%
<i>Chuyển tải</i>	41.662	3%	44.471	3%	48.443	4%
<i>Dịch vụ phụ trợ khác</i>	60.953	5%	58.461	4%	70.096	5%
<b>Chi phí tài chính</b>	<b>151.179</b>	<b>12%</b>	<b>14.313</b>	<b>1%</b>	<b>10.558</b>	<b>1%</b>

Giá vốn	2011	%	2012	%	2013	%
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	6.300	1%	155	0%		
Chênh lệch tỷ giá	130.780	11%	889	0%	1.638	0%
Lãi vay vốn	14.100	1%	13.269	1%	8.920	1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	80.709	7%	97.800	7%	98.042	7%
Chi phí khác	4	0%	604	0%	4.696	0%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.239.068</b>		<b>1.388.963</b>		<b>1.312.140</b>	

*Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC năm 2013  
- Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng*

#### a. Giá vốn của hoạt động bốc xếp

Cơ cấu giá vốn của hoạt động bốc xếp bao gồm: Chi phí lương nhân viên trực tiếp sản xuất và các chế độ đãi ngộ cho nhân viên (chiếm tỷ trọng từ 40% đến 45% tổng giá vốn bốc xếp), chi phí khấu hao tài sản cố định (chiếm tỷ trọng từ 25% đến 30%), chi phí nguyên, nhiên liệu (chiếm từ 10% đến 13%), còn lại là các chi phí thuê ngoài, sửa chữa và các chi phí khác. Các chi phí này có xu hướng tăng tuy nhiên mức tăng lớn hơn khả năng tăng phí dịch vụ của Công ty do mức độ cạnh tranh trong tại khu vực khá cao khiến cho lợi nhuận gộp của mảng hoạt động này có xu hướng sụt giảm trong 2 năm trở lại đây.

#### b. Giá vốn của hoạt động kho bãi

Hoạt động này mang lại hiệu quả lớn cho Công ty khi tỷ trọng lợi nhuận gộp luôn đạt trên 60% doanh thu cho thuê kho bãi. Cơ cấu giá vốn của hoạt động cho thuê kho bãi bao gồm: Chi phí lương nhân viên trực tiếp sản xuất và các chế độ đãi ngộ cho nhân viên (chiếm tỷ trọng từ 65% đến 70% tổng giá vốn hoạt động kho bãi), chi phí khấu hao tài sản cố định (chiếm tỷ trọng từ 12% đến 14%), chi phí nguyên, nhiên liệu (chiếm từ 4% đến 5%), còn lại là các chi phí thuê ngoài, sửa chữa và các chi phí khác.

#### c. Giá vốn của hoạt động chuyển tải, và dịch vụ phụ trợ khác

Cơ cấu giá vốn của các hoạt động này khá ổn định, không có nhiều biến động, chủ yếu là chi phí lương công nhân trực tiếp và chi phí thuê ngoài. Một phần hoạt động này được giao cho các công ty con thực hiện. Hiệu quả hoạt động này không cao, chủ yếu là cung cấp các dịch vụ gia tăng cho khách hàng.

#### d. Chi phí tài chính

Lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm 2010, 2011 đặc biệt cao khi Công ty đánh giá lại khoản vay dài hạn từ nguồn vốn ODA bằng JPY trong bối cảnh tỷ giá JPY/VND tăng cao trong 2 năm này. Sang năm 2012, tỷ giá JPY/VND giảm mạnh khiến cho chi phí này đã giảm đáng kể so với 2 năm trước.

Chi phí lãi vay cũng giảm khi Công ty cắt giảm dư nợ vay ngắn hạn và vay dài hạn ngân hàng trong năm 2012, và năm 2013 cùng với việc lãi suất cho vay đã giảm trong điều kiện kinh tế vĩ mô đã ổn định hơn các năm trước.

**e. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp khá ổn định trong tổng chi phí, bằng việc kiểm soát chặt, mức chi phí này luôn được duy trì ở mức 7 - 8% doanh thu.

**9.9.3. Một số chỉ tiêu tài chính tổng hợp của Công ty mẹ**

**a. Doanh thu, giá vốn, lợi nhuận gộp, lợi nhuận trước thuế, sau thuế**

Bảng 17: Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ 3 năm trước cổ phần hóa

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: Triệu đồng		
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Vốn chủ sở hữu	1.034.781	1.111.681	1.158.706
Doanh thu thuần	1.202.356	1.372.573	1.358.245
Giá vốn	1.007.177	1.276.245	1.200.561
Lợi nhuận gộp	195.179	96.328	157.684
Tỷ suất lợi nhuận gộp	16,2%	7,0%	12%
Lợi nhuận trước thuế	65.266	125.760	252.150
Lợi nhuận sau thuế	62.260	104.905	191.166
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	6,0%	9,4%	16,5%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	5,2%	7,6%	14,1%

*Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2011, 2012, 2013  
 - Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng*

Trong 3 năm qua, sản lượng hàng hóa qua cảng luôn tăng trưởng trên 10%, doanh thu tăng trưởng 14%/năm nhưng mức lợi nhuận gộp lại giảm mạnh trong năm 2012 (giảm 51% so với 2011). Nguyên nhân chính của sự biến động lợi nhuận gộp là do cơ cấu hàng rời/ hàng bách hóa vẫn chiếm tỷ lệ lớn (khoảng 27% tổng sản lượng hàng hóa qua cảng) trong khi chi phí trực tiếp cho các dịch vụ bốc xếp, kiểm đếm, giao nhận mặt hàng này tăng mạnh đặc biệt là chi phí lương, chế độ đãi ngộ cho nhân viên trực tiếp sản xuất, chi phí công cụ dụng cụ tăng bình quân 14%/năm, chi phí vật

liệu công cụ dụng cụ tăng 19%/năm, chi phí khác gồm chi phí sửa chữa máy móc thiết bị, thuê phương tiện và chi phí dịch vụ thuê ngoài tăng 47%/năm. Đồng thời, trong năm 2012, Công ty đã đưa vào sử dụng hàng loạt tài sản cố định tại Tân Cảng, cảng Hoàng Diệu, Chùa Vẽ cùng với việc điều chỉnh thời gian trích khấu hao của một số tài sản khiến chi phí khấu hao tăng mạnh (57% so với năm 2010, 2011). Năm 2013, tỷ suất lợi nhuận gộp đã được cải thiện ở mức 12%/năm.

**b. Chỉ tiêu tài chính**

Bảng 18: Một số chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ giai đoạn 2011 - 2013

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: Triệu đồng		
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)	79.365	139.029	261.070
Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)/Doanh thu	7%	10%	19%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	59.374	104.247	220.107
Tỷ suất lợi nhuận thuần/Doanh thu	5%	8%	16%
Lợi nhuận sau thuế	62.260	104.905	191.166
Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	6%	9%	16,5%
Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	3%	5%	9%

*Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2011, 2012, 2013  
 - Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng*

**9.9.4. Một số chỉ tiêu tài chính tổng hợp của Công ty mẹ**

Bảng 19: Chi tiết các khoản nợ vay

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: Triệu đồng		
	31/12/2011	31/12/2012	21/12/2013
Vay ngắn hạn	72.898	-	-
<i>Vay ngân hàng</i>	72.898	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	41.843	38.795	31.618
Vay và nợ dài hạn	711.333	620.726	474.264
<i>Vay ngân hàng</i>	-	-	-
<i>Vay đối tượng khác (nguồn vốn ODA)</i>	711.333	620.726	474.264

*Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2011, 2012, 2013*

- Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

Hiện tại, Công ty đang có khoản nợ vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng vốn ODA số 02/2004/TDNN ngày 21/12/2004 giữa Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Hải Phòng - dự án 000336671 cải tạo nâng cấp cảng Hải Phòng trị giá 4.105.000.000 JPY. Lãi suất vay 1,3%/năm, trả nợ 2 kỳ/năm (đến năm 2029).

Theo Công văn số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 16800/BTC-TCĐN ngày 03/12/2013 của Bộ Tài chính và Công văn số 2607/BGTVT-KCHT ngày 14/03/2014 của Bộ Giao thông Vận tải ngày 14/03/2014, Bộ Giao thông Vận tải đang trình Thủ tướng Chính phủ cho phép Cảng Hải Phòng đưa giá trị cầu cảng số 4 và số 5 (giá trị còn lại theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp là 162.060.525.000 đồng) vào hạch toán tăng tài sản và Cảng Hải Phòng có nghĩa vụ trả nợ vay, lãi vay theo đúng các điều khoản Nhà nước đã ký với nước ngoài. Cảng Hải Phòng đã xây dựng phương án quản lý khai thác, trả nợ vay cầu cảng số 4, 5 Chùa Vẽ và đang trình Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giao thông Vận tải phương án khai thác, trả nợ gốc và lãi vay trong vòng 20 năm từ năm 2014 đến 2033. Do đó, Cảng Hải Phòng sẽ phải hạch toán tăng số dư nợ vay 162 tỷ đồng nêu trên sau khi có quyết định cuối cùng của Thủ tướng Chính phủ.

#### 9.9.5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty mẹ

Bảng 20: Số thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty mẹ

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chi tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.422	40.297
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	3.344
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	603	11.605	10.934
Thuế khác	-	-	1.281
<b>Tổng cộng</b>	<b>603</b>	<b>16.027</b>	<b>55.951</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2011, 2012, 2013*

- Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

Công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, không có khoản thuế/ phải nộp ngân sách quá hạn trong những năm qua.

#### 9.9.6. Cơ cấu vốn, tài sản và biến động của vốn chủ sở hữu tại Công ty mẹ

Bảng 21: Cơ cấu tài sản và nguồn vốn

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2011	%	31/12/2012	%	31/12/2013	%
Tài sản ngắn hạn	521.629	24%	582.271	28%	726.241	33%
Tài sản dài hạn	1.641.102	76%	1.489.248	72%	1.457.085	67%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.162.732</b>		<b>2.071.519</b>		<b>2.183.326</b>	
Nợ ngắn hạn	402.122	19%	339.112	16%	550.356	25%
Nợ dài hạn	725.829	34%	620.726	30%	474.264	22%
Vốn chủ sở hữu	1.034.781	48%	1.111.681	54%	1.158.706	53%
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>2.162.732</b>		<b>2.071.519</b>		<b>2.183.326</b>	

*Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC năm 2013  
 - Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng*

#### **9.9.7. Hoạt động Đầu tư phát triển tại Công ty mẹ**

Công ty luôn chú trọng đầu tư xây dựng hạ tầng cảng, thiết bị và công cụ xếp dỡ đáp ứng kịp thời nhu cầu tăng sản lượng hàng hoá thông qua cảng trong những năm qua. Các dự án đầu tư đều được cân nhắc, tính toán kỹ về lộ trình, nguồn vốn sử dụng đảm bảo hiệu quả và không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

##### **a. Các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách**

Dự án Cải tạo nâng cấp Cảng Hải phòng giai đoạn khẩn cấp và giai đoạn II sử dụng nguồn vốn ODA của Nhật Bản đã hoàn thành (năm 2007) giúp hình thành khu cảng container chuyên dùng Chùa Vẽ đầu tiên ở khu vực phía Bắc với 5 cầu tàu. Nhờ việc đầu tư đồng bộ cả luồng tàu vào cảng, hệ thống cầu bến, kho, bãi và thiết bị xếp dỡ, công nghệ thông tin nên cảng container Chùa Vẽ ngay sau khi đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả, vượt công suất thiết kế, kịp thời đáp ứng nhu cầu tăng trưởng rất nhanh của mặt hàng container trong các năm gần đây. Cảng container Chùa Vẽ có công suất thiết kế là 460.000 TEU nhưng sản lượng đã đạt trên 500.000 TEU, đặc biệt năm 2011 đạt 630.000 TEU (chiếm trên 50% sản lượng container của Cảng Hải Phòng).

Tổng mức đầu tư của dự án Cải tạo nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn khẩn cấp và giai đoạn II sử dụng nguồn vốn ODA của Nhật Bản là 2.432 tỷ đồng, vốn vay là 5 tỷ Yên Nhật tương đương 620 tỷ đồng tại thời điểm vay. Tổng mức đầu tư riêng trong năm năm từ 2007-2011 là 465,8 tỷ đồng, trong đó: 43 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, 422,8 tỷ đồng từ nguồn vốn vay

##### **b. Các dự án đầu tư bằng nguồn vốn từ khấu hao và lợi nhuận của Công ty**

Công ty đã sử dụng nguồn vốn này để đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng, thiết bị xếp dỡ, hệ thống công nghệ thông tin hiện đại. Tổng kinh phí thực hiện trong giai đoạn từ

năm 2007 -2012 là 1.687 tỷ đồng. Trong đó tập trung đầu tư chiều sâu tại khu vực Hoàng Diệu và đầu tư phát triển mở rộng tại Đình Vũ, cụ thể:

**- Cảng Hoàng Diệu:**

- + Đầu tư cải tạo 6 cầu tàu cải thiện năng lực tiếp nhận tàu chỉ có trọng tải tối đa 10.000 DWT lên tàu có trọng tải 30.000-40.000DWT neo cập.
- + Đầu tư thêm thiết bị xếp dỡ, nâng khả năng thông qua hàng hóa có sản lượng tối đa từ 2,2 triệu tấn/năm lên đến 7 triệu tấn/năm.

**- Dự án Cảng Đình Vũ:**

- + Đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ thực hiện giai đoạn 1 dự án Cảng Đình Vũ xây dựng 2 bến tàu.
- + Từ năm 2006-2012, Công ty đã tiếp tục góp vốn đầu tư vào dự án Cảng Đình Vũ giai đoạn 2 và 3 gồm 5 bến tàu, 20 ha bãi.
- + Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ đang tiếp tục đầu tư kho, bãi hàng và các công trình phụ trợ của dự án theo kế hoạch.

Bảng 22: Giá trị đầu tư qua các năm

Năm	Đơn vị: tỷ đồng		
	2011	2012	2013
Kinh phí đầu tư	349,4	360,2	189,27

*Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, 2014*

### PHẦN III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

#### 1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và vốn Nhà nước

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-HHVN ngày 10/03/2014 về giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 24h ngày 30/06/2013 như sau:

- Giá trị doanh nghiệp thực tế Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng tại thời điểm 24h ngày 30/06/2013 là **4.314.427.161.946 đồng** (Bốn nghìn ba trăm mười bốn tỷ, bốn trăm hai mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm bốn mươi sáu đồng)
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng tại thời điểm 24h ngày 30/06/2013 là **3.269.611.135.864 đồng** (Ba nghìn hai trăm sáu mươi chín tỷ, sáu trăm mười một triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, tám trăm sáu mươi tư đồng)

Bảng 23: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 24h ngày 30/06/2013

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: Đồng
<b>A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)</b>	<b>4.314.427.161.946</b>
<b>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>	<b>3.610.296.429.093</b>
1. Tài sản cố định	2.764.413.756.288
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	775.769.148.557
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	70.113.524.248
<b>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>663.631.407.299</b>
1. Tiền	42.759.460.069
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	331.950.000.000
3. Các khoản phải thu	209.223.059.487
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	24.694.693.904
5. Tài sản lưu động ngắn hạn khác	48.869.269.743
6. Công cụ, dụng cụ đã phân bổ hết giá trị còn sử dụng	6.134.924.097
<b>III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN</b>	<b>40.499.325.554</b>
<b>IV. Giá trị quyền sử dụng đất</b>	<b>-</b>
<b>B. Tài sản không cần dùng</b>	<b>2.173.437.461</b>
<b>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>	<b>3.515.000</b>
1. Tài sản cố định	3.515.000
<b>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>2.169.922.461</b>

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Kết quả xác định</b>
1. Hàng hóa tồn kho ứ đọng kém phẩm chất	2.169.922.461
<b>C. Tài sản chờ thanh lý</b>	-
<b>D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng</b>	4.233.748.074
<b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+ B+ C+ D)</b>	4.320.834.347.480
<b>Trong đó:</b>	
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)</b>	4.314.427.161.945
<b>E1. Nợ thực tế phải trả</b>	1.044.816.026.081
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp ngân sách Nhà nước	-
<b>E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp</b>	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP {A- (E1+E2)}</b>	3.269.611.135.864

*Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, 2014*

## **2. Các vấn đề cần tiếp tục xử lý**

### **2.1. Liên quan đến giá trị cầu cảng số 4, số 5 khu vực Chùa Vẽ**

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (30/06/2013), cầu cảng số 4, số 5 khu vực Chùa Vẽ (được bàn giao từ dự án ODA nâng cấp Cảng Hải Phòng) chưa được quyết toán và chưa có quyết định về phương án sử dụng của cơ quan có thẩm quyền, Công ty đang ghi nhận vào tài sản theo giá tạm tính. Giá trị 02 cầu cảng này tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn thuế định giá lại và ghi tăng vào giá trị doanh nghiệp và vốn Nhà nước là 162 tỷ đồng.

Ngày 25/03/2014, Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 1966/VPCP-KTN chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng hạch toán tăng tài sản và giao cho Bộ Giao thông Vận tải chủ trì và phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan phê duyệt phương án khai thác, sử dụng các cầu cảng của Cảng Hải Phòng, đảm bảo thu hồi vốn và trả nợ vay, lãi vay theo đúng các điều kiện của Hiệp định vay vốn đã ký kết với Nhà tài trợ nước ngoài. Sau khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giá trị quyết toán tài sản cầu số 4, số 5 và giá trị nợ phải trả thực tế, vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần sẽ hạch toán giảm tương ứng với giá trị phải chuyển lên nợ phải trả.

Giá trị cầu cảng số 4, số 5 tại khu vực Chùa Vẽ cần được quyết toán và phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về phương án khai thác, sử dụng và phương án trả nợ vay, lãi vay.

## **2.2. Khoản chi phí sửa chữa**

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, các khoản chi phí sửa chữa trích trước trong giai đoạn 2010 đến 2013 (giá trị khoảng 101 tỷ đồng) đã được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ của Cảng Hải Phòng. Hiện tại Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam đang gửi văn bản lên Bộ Tài chính về việc số dư khoản trích này tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được coi là nợ phải trả hay xử lý tương tự như các khoản dự phòng tại Điều 17 Nghị định 59/2011/NĐ-CP. Giá trị doanh nghiệp và phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng thời điểm 24h ngày 30/06/2013 xác định lại chưa bao gồm giá trị 101 tỷ đồng chi phí sửa chữa. Trong trường hợp Bộ Tài chính có văn bản đồng ý xử lý giá trị các khoản chi phí sửa chữa trích trước tương tự như các khoản dự phòng tại Điều 17 Nghị định 59/2011/NĐ-CP, thì giá trị 101 tỷ đồng chi phí sửa chữa trích trước này sẽ được ghi tăng phần phải trả về nhà nước.

## **2.3. Khoản thuế nhà thầu**

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng chưa điều chỉnh đối với khoản thuế nhà thầu theo kết luận kiểm tra của Cục thuế Hải Phòng và đang gửi công văn xin hướng dẫn của Tổng cục thuế.

## PHẦN IV. HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA, VỐN ĐIỀU LỆ, CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ, GIÁ KHỞI ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH CỔ PHẦN

### 1. Mục tiêu cổ phần hóa

- Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng nhằm mục tiêu chuyển hình thức sở hữu 100% vốn Nhà nước thành hình thức đa sở hữu, thay đổi tổ chức quản lý điều hành và phương thức quản trị, mở rộng cơ hội tiếp cận với thị trường vốn và các hình thức huy động vốn đa dạng nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa.

- Xây dựng Cảng Hải Phòng trở thành doanh nghiệp khai thác cảng với quy mô và hiệu quả hàng đầu khu vực. Cùng với sự hỗ trợ của các nhà đầu tư, Cảng Hải Phòng phấn đấu mở rộng mạng lưới khách hàng để có thể khai thác hiệu quả cơ sở vật chất thiết bị sẵn có và sẽ đầu tư sau này.

### 2. Yêu cầu cổ phần hóa

- Huy động vốn của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của tổ chức và cá nhân trong nước để đầu tư phát triển doanh nghiệp.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm và vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

- Đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định của Công ty và các đơn vị thành viên sau cổ phần hóa.

- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường.

### 3. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa và quy định tại Khoản 2, Điều 4, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, hình thức cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng là bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp.

**4. Vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ**

- Theo Công văn số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 16800/BTC-TCDN ngày 03/12/2013 của Bộ Tài chính và Công văn số 2607/BGTVT-KCHT ngày 14/03/2014 của Bộ Giao thông Vận tải ngày 14/03/2014, Bộ Giao thông Vận tải đang trình Thủ tướng Chính phủ cho phép Cảng Hải Phòng đưa giá trị cầu cảng số 4 và số 5 (giá trị còn lại theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp là 162.060.525.000 đồng) vào hạch toán tăng tài sản và Cảng Hải Phòng có nghĩa vụ trả nợ vay, lãi vay theo đúng các điều khoản Nhà nước đã ký với nước ngoài.
- Căn cứ văn bản số 1966/VPCP-KTN ngày 25 tháng 3 năm 2014, Phó thủ tướng Hoàng Trung Hải đã đồng ý cho Cảng Hải Phòng thực hiện việc hạch toán tăng tài sản đối với giá trị của các cầu cảng số 4 và số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ và giao cho Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan phê duyệt phương án khai thác, sử dụng các Cầu cảng của Cảng Hải Phòng bảo đảm thu hồi vốn và trả nợ vay, lãi vay theo đúng các điều khoản của Hiệp định vay vốn đã ký kết với Nhà tài trợ nước ngoài.

Trong khi các Bộ Giao thông, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan tiếp tục làm việc chi tiết về vấn đề cầu cảng số 4, số 5, để đảm bảo tiến độ cổ phần hóa, Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng đề xuất mức vốn điều lệ như sau:

- Vốn điều lệ dự kiến: 3.269.600.000.000 đồng.  
Vốn điều lệ dự kiến của Công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần là 3.269.600.000.000 đồng (Ba nghìn hai trăm sáu mươi chín tỷ, Sáu trăm triệu đồng) tương đương 326.960.000 cổ phần (Ba trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi nghìn cổ phần) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
- Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến:

STT	Đối tượng	Giá trị	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Vốn nhà nước	2.452.200.000.000	245.220.000	75,00%
2	Bán ưu đãi cho CBCNV	57.688.000.000	5.768.800	1,76%
3	Bán cho CBCNV theo năm cam kết làm việc	40.743.000.000	4.074.300	1,25%
4	Bán cho công đoàn	7.000.000.000	700.000	0,21%
5	Bán cho đối tác chiến lược	335.613.000.000	33.561.300	10,26%
6	Bán đấu giá cổ phần IPO	376.356.000.000	37.635.600	11,51%
	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>3.269.600.000.000</b>	<b>326.960.000</b>	<b>100,00%</b>

**Ghi chú:**

Theo bản số 1966/VPCP-KTN ngày 25 tháng 3 năm 2014 về việc hạch toán tài sản tăng đối với giá trị cầu cảng số 4, 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ và trả nợ vốn vay, lãi vay theo hiệp định ký kết với Nhà tài trợ nước ngoài, Phó thủ tướng Hoàng Trung Hải đã đồng ý cho Cảng Hải Phòng thực hiện việc hạch toán tăng tài sản đối với giá trị của các cầu cảng số 4 và số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ. Theo văn bản này, vấn đề xử lý chi tiết liên quan đến cầu cảng số 4, số 5 sẽ theo phê duyệt cụ thể của Bộ Giao thông vận tải và Bộ tài chính và các cơ quan có liên quan: *“Bộ Giao thông vận tải phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan phê duyệt phương án khai thác, sử dụng các Cầu cảng của Cảng Hải Phòng, bảo đảm thu hồi vốn và trả nợ vay lãi theo đúng các điều khoản của Hiệp định vay vốn đã ký với Nhà tài trợ nước ngoài”*.

Trong trường hợp sau khi có phê duyệt chi tiết của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan về giá trị quyết toán tài sản của cầu 4, cầu 5 và giá trị thực tế của tài sản cầu số 4, cầu số 5 được chuyển vào vốn vay thì giá trị vốn góp của Nhà nước tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng sẽ bị giảm; đồng thời, tỷ lệ sở hữu của Nhà nước cũng có thể giảm xuống dưới mức 75% (trong trường hợp bán hết cổ phần cho các đối tượng chào bán nêu trên). Trong trường hợp này, phương án bù đắp giá trị còn thiếu của vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng so với giá trị phần vốn Nhà nước theo phương án cổ phần hóa như sau:

- Sử dụng **khoản chênh lệch** tăng giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần với giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được chuyển thành phần vốn của Nhà nước tại công ty cổ phần để bù đắp.
- Trong trường hợp giá trị vốn Nhà nước vẫn chưa đủ so với phần vốn góp trong cơ cấu vốn điều lệ theo phương án cổ phần hóa, Công ty kiến nghị **giữ lại lợi nhuận hàng năm chia cổ tức cho cổ đông Nhà nước để tăng giá trị vốn góp của Nhà nước** theo đúng phương án cổ phần hóa.

## **5. Phương thức phát hành cổ phần và giá khởi điểm**

### **5.1. Bán đấu giá cổ phần lần đầu (IPO)**

Đối tượng tham gia cuộc bán đấu giá cổ phần lần đầu bao gồm: Các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước

thành công ty cổ phần và theo quy định chi tiết tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

Số lượng cổ phần chào bán ra công chúng thông qua hình thức đấu giá công khai là 37.635.600 cổ phần (tương đương 11,51% vốn điều lệ).

#### **5.1.1. Phương pháp chào bán và cơ quan thực hiện bán cổ phần**

- Quá trình thực hiện đấu giá cổ phần phải tuân thủ chặt chẽ các quy chế và yêu cầu do Tổ chức thực hiện bán đấu giá ban hành. Việc chào bán cổ phần ra công chúng sẽ được tiến hành theo hình thức đấu giá công khai thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn.

#### **5.1.2. Xác định giá khởi điểm**

Nhà đầu tư tham gia đấu giá mua cổ phần được mua theo giá đấu giá thành công thực tế và không thấp hơn giá khởi điểm đấu giá (giá khởi điểm).

Giá khởi điểm được xác định tại thời điểm chào bán cổ phần ra công chúng được xác định trên cơ sở:

- Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng được phê duyệt tại Quyết định số 69/QĐ-HHVN ngày 10/03/2014 của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam.

- Tiềm năng phát triển của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng trong tương lai.
- Đánh giá tình hình thị trường chứng khoán.

Tại thời điểm xây dựng phương án cổ phần hóa, giá khởi điểm đề xuất là **13.500 đồng/cổ phiếu**.

#### **5.2. Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV**

Tổng số cổ phần của người lao động của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng được mua ưu đãi là: 5.768.800 cổ phần (tương đương 1,76% vốn điều lệ).

##### **5.2.1. Mục tiêu chào bán**

Mục tiêu của việc chào bán cổ phần cho người lao động là nhằm gắn kết người lao động và tạo động lực của người lao động với sự phát triển của Công ty sau cổ phần hóa.

##### **5.2.2. Nguyên tắc xác định thời gian công tác được tính để mua cổ phần ưu đãi**

Thời gian được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi là tổng thời gian (tính theo số năm đủ 12 tháng, không tính tháng lẻ) thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố giá trị của doanh nghiệp. Thời gian này không

bao gồm thời gian thực tế làm việc đã được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi tại doanh nghiệp cổ phần hoá trước đó; thời gian thực tế làm việc đã được tính hưởng chế độ hưu trí; thời gian thực tế làm việc đã được tính để nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

Thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp để tính mua cổ phần với giá ưu đãi, bao gồm:

- Thời gian người lao động thực tế làm việc tại doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước; cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang được hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước;
- Thời gian có hưởng lương từ nguồn doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngân sách nhà nước (thời gian đào tạo, công tác...), hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (nghỉ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp);
- Thời gian làm việc theo hình thức nhận khoán sản phẩm, khối lượng công việc trong thời gian này mà doanh nghiệp 100% vốn nhà nước có trả lương và có đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật.

**5.2.3. Giá bán cổ phần chào bán cổ phần ưu đãi cho người lao động: 60% giá đầu giá thành công thấp nhất.**

**5.2.4. Danh sách người lao động được mua cổ phần ưu đãi theo số năm công tác.**

*Theo danh sách đính kèm Phương án lao động*

**5.3. Bán cổ phần cho CBCNV theo năm cam kết làm việc**

Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa (10/03/2014), thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Tổng số cổ phần chào bán thêm cho cán bộ công nhân viên theo số năm cam kết làm việc của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng là 4.074.300 cổ phần (tương đương 1,25% vốn điều lệ).

Giá bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên mua thêm được xác định là giá đầu giá thành công thấp nhất sau khi đấu giá công khai.

*(Danh sách CBCNV mua cổ phần theo năm cam kết đính kèm)*

#### 5.4. Bán cổ phần cho Tổ chức Công đoàn

- Số lượng cổ phần bán cho Công đoàn dự kiến: 700.000 cổ phần (tương đương 0,21% vốn điều lệ).
- Công đoàn sử dụng nguồn kinh phí công đoàn để mua cổ phần. Giá bán cổ phần cho tổ chức Công đoàn là 60% giá đấu giá thành công thấp nhất sau khi đấu giá công khai.

#### 5.5. Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược trong nước

Số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược tối đa 33.561.300 cổ phần cổ phần (tương đương 10,26% vốn điều lệ).

##### 5.5.1. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

Căn cứ Văn bản số 613/NQ-HHVN ngày 10 tháng 3 năm 2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam, tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đối với Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng khi cổ phần hóa như sau:

##### a. Mục đích lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng lựa chọn nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần tại Cảng Hải Phòng khi cổ phần hóa là nhà đầu tư trong nước có uy tín, có năng lực tài chính, có sự cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với công ty cổ phần và có khả năng hỗ trợ công ty cổ phần trong hoạt động sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa về: Phát triển thị trường khai thác cảng; Nâng cao năng lực tài chính; Quản trị doanh nghiệp; Quản lý, đào tạo nguồn nhân lực; Cung ứng nguyên vật liệu; Chuyển giao công nghệ mới, hiện đại...

##### b. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

- Là nhà đầu tư trong nước hoạt động trong lĩnh vực: Vận chuyển hàng hóa bằng đường biển; Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa hoặc các lĩnh vực khác có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, có hàng hóa thông qua Cảng Hải Phòng; Kinh doanh dịch vụ Logistics; Quản lý và khai thác cảng biển; Tài chính; Ngân hàng.
- Có thời gian hoạt động tối thiểu 05 năm;
- Có năng lực tài chính thể hiện ở các tiêu chí sau:
  - + Có tổng tài sản tối thiểu 1000 tỷ đồng vào niên độ tài chính năm 2013;
  - + Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 700 tỷ đồng vào niên độ tài chính năm 2013;
  - + Chứng minh có đủ nguồn vốn góp;
  - + Có lợi nhuận sau thuế dương trong ba năm liên tiếp trước năm đăng ký tham gia làm nhà đầu tư chiến lược (năm 2011, 2012, 2013);

- Không là nhà đầu tư chiến lược, cổ đông sáng lập, cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên tại bất kỳ doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng nào tại khu vực miền Bắc vào thời điểm đăng ký tham gia làm nhà đầu tư chiến lược;
- Có cam kết bằng văn bản về việc gắn bó lợi ích lâu dài với công ty cổ phần, hỗ trợ Công ty cổ phần trong một hoặc một số lĩnh vực quy định tại Mục 1 - Mục đích lựa chọn nhà đầu tư chiến lược,
- Không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn tối thiểu 05 (năm) năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Không thực hiện các giao dịch nào với công ty cổ phần dẫn đến xung đột lợi ích và tạo ra sự độc quyền hoặc cạnh tranh không lành mạnh với khách hàng, nhà đầu tư khác của công ty cổ phần;
- Không chuyển nhượng cổ phần được mua cho nhà đầu tư nước ngoài dưới bất kỳ hình thức nào.

**c. Số lượng nhà đầu tư chiến lược:** Tối đa là 03 nhà đầu tư.

#### **5.5.2. Hồ sơ đăng ký**

- Thư ngỏ/văn bản gửi Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng bày tỏ nhu cầu muốn tham gia làm nhà đầu tư chiến lược. (Theo mẫu đính kèm).
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy phép hoạt động (sao y công chứng/chứng thực theo quy định).
- Bản thông tin giới thiệu kinh nghiệm, năng lực của nhà đầu tư.
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012 và 2013.

#### **5.5.3. Danh sách Nhà đầu tư chiến lược**

- Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng đã đăng tải Thư ngỏ về việc trở thành nhà đầu tư chiến lược của Công ty khi cổ phần hóa trên phương tiện thông tin đại chúng và các websites: Báo Hải Phòng, Báo Giao thông, Báo Đầu tư; website Cảng Hải Phòng ([www.haiphongport.com.vn](http://www.haiphongport.com.vn)), website Vinalines ([www.vinalines.com.vn](http://www.vinalines.com.vn)), website Khu Công nghiệp Đình Vũ ([www.dinhvu.com](http://www.dinhvu.com)).
- Tại thời điểm ngày 3/4/2014, Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng nhận được 01 bộ hồ sơ của Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam đăng ký mong được tham gia là nhà đầu tư chiến lược. Việc bán cổ phần cho đối tác chiến lược sẽ được thực hiện theo quy định sau khi phương án cổ phần hóa được phê duyệt.

## 5.6. Lộ trình thực hiện dự kiến

Bảng 24: Lộ trình chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng

Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
Thời điểm phê duyệt Quyết định Phương án cổ phần hóa Công ty mở tài khoản phong tỏa tại ngân hàng thương mại	7/4/2014 Trước ngày 20/04/2014
Ban chỉ đạo cổ phần hóa phê duyệt Hồ sơ bán đấu giá cổ phần	7/4/2014
Ký kết hợp đồng bán đấu giá với Tổ chức thực hiện đấu giá	8/4/2014
Thông báo đăng ký làm đại lý của Tổ chức thực hiện đấu giá	8/4/2014
Đăng báo và công bố thông tin về bán đấu giá và Bản công bố thông tin	11/4/2014
Tổ chức họp báo, công bố và giới thiệu thông tin về đợt bán cổ phần	Trong tháng 4 hoặc đầu tháng 5/2014
Phối hợp với Tổ chức thực hiện đấu giá, Tổ chức tư vấn tổ chức buổi bán đấu giá	14/05/2014
Nhận tiền thu từ bán cổ phần từ Tổ chức thực hiện đấu giá	Từ 15/05 đến 26/5/2014
Thu tiền mua cổ phần của người lao động	15/05/2014 đến 26/05/2014
Bán cổ phần cho đối tác chiến lược	08/04/2014 đến 26/05/2014
Tổng hợp kết quả bán cổ phần	05/06/2014
Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo kết quả bán cổ phần và trình phương án điều chỉnh quy mô vốn điều lệ	05/06/2014
Tổng Công ty Hàng Hải phê duyệt phương án điều chỉnh quy mô vốn điều lệ	09/06/2014
Gửi Thư mời và tài liệu cho cổ đông	11/06/2014
Họp ĐHĐCĐ thành lập	Từ 21/06/2014
Hoàn thành ĐKKD	Từ 23/06/2014 đến 27/06/2014

## 6. Xử lý số lượng cổ phần không bán hết

Số lượng cổ phần không bán hết bao gồm:

- Số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng thầu trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.

- Số lượng cổ phần không được nhà đầu tư đăng ký mua theo phương án bán đấu giá công khai đã được duyệt.

- Số lượng cổ phần người lao động từ chối mua theo phương án đã được duyệt.

- Số lượng cổ phần của nhà đầu tư chiến lược không mua.

Trong trường hợp Cảng Hải Phòng có số lượng cổ phần không bán hết sau đợt chào bán này, Ban Chi đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ (không chào bán cổ phần lần thứ hai) để chuyển công ty 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.

### **7. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ đợt phát hành cổ phần**

#### **7.1. Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phần**

Số tiền thu từ cổ phần hoá được xử lý như quy định tại khoản 1, Điều 42 và khoản 3, Điều 21 - Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011.

#### **7.2. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Cổ phần</b>	<b>Giá trị (Đồng)</b>
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần		3.269.600.000.000
2	Vốn Nhà nước thực tế tại Doanh nghiệp sau khi đánh giá lại		3.269.611.135.864
3	Vốn Nhà nước tại công ty cổ phần		2.452.200.000.000
4	Giá trị tính theo mệnh giá của cổ phần bán cho người lao động, Tổ chức Công đoàn, đối tác chiến lược và bán đấu giá		817.400.000.000
5	Tiền thu được từ cổ phần hóa		1.068.558.480.000
5.1	Bán đấu giá	37.635.600	508.080.600.000
5.2	Bán CP ưu đãi cho CBCNV bằng 60% giá đấu giá thành công thấp nhất	5.768.800	46.727.280.000
5.3	Bán CP cho Tổ chức Công đoàn bằng 60% giá đấu giá thành công thấp nhất	700.000	5.670.000.000
5.4	Bán CP cho CBCNV theo năm cam kết làm việc	4.074.300	55.003.050.000

5.5	Bán cổ phần cho NĐT chiến lược	33.561.300	453.077.550.000
6	Chi phí cổ phần hóa		500.000.000
6.1	Chi giải quyết chính sách lao động dôi dư		0
7	Số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp khi cổ phần hóa $\{(2)-(3)+(5)-(6)-(4)\}$		1.068.069.615.864

#### Ghi chú:

Việc tính toán trên dựa theo các giả định (1) các đối tượng được chào bán mua hết số cổ phần (2) giá bán dự kiến tạm tính theo giá khởi điểm là 13.500 đồng/cổ phần. Số tiền thu được từ cổ phần hóa sẽ căn cứ theo kết quả bán cổ phần thực tế theo đúng các quy định của pháp luật.

#### 8. Chi phí cổ phần hóa dự kiến

Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng trình Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam phê duyệt chi phí cổ phần hóa như sau:

Bảng 25: Tổng hợp chi phí cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị: Đồng	Số tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>Phổ biến người lao động chương trình cổ phần hóa</b>		<b>50.000.000</b>
1	Chi phí tập huấn nghiệp vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp		50.000.000
<b>II</b>	<b>Chi phí xác định giá trị doanh nghiệp</b>		<b>490.000.000</b>
1	Thuê tư vấn định giá xác định giá trị doanh nghiệp		385.000.000
2	Chi phí thuê đơn vị kiểm toán và kiểm kê tài sản		110.000.000
<b>III</b>	<b>Chi phí lập phương án cổ phần hóa</b>		<b>200.000.000</b>
1	Chi phí thuê tư vấn lập phương án cổ phần hóa		200.000.000
<b>IV</b>	<b>Chi phí đăng báo, công bố thông tin về doanh nghiệp</b>		<b>100.000.000</b>
1	Chi phí hợp báo		50.000.000
2	Chi phí đăng báo, công bố thông tin tìm kiếm đối tác chiến lược và bán đấu giá cổ phần		50.000.000
<b>IV</b>	<b>Chi phí bán cổ phần</b>		<b>555.000.000</b>
1	Chi phí đấu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán		300.000.000

2	Thuê tư vấn bán cổ phần	250.000.000
V	<b>Chi phí Đại hội công nhân viên chức bất thường để triển khai cổ phần hóa</b>	<b>50.000.000</b>
VI	<b>Chi phí đại hội đồng cổ đông lần đầu</b>	<b>100.000.000</b>
1	Thuê địa điểm	70.000.000
2	Tài liệu cho Đại hội	30.000.000
VII	<b>Thù lao cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa và tổ giúp việc</b>	<b>294.000.000</b>
1	Thù lao cho Ban chỉ đạo CPH (14 người, 2 triệu đồng/người, thời gian hưởng thù lao trong 6 tháng)	168.000.000
2	Thù lao cho Tổ giúp việc BCD CPH (14 người, 1,5 triệu đồng/người, thời gian hưởng thù lao trong 6 tháng)	126.000.000
VI	<b>Các chi phí khác</b>	<b>80.000.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.919.000.000</b>

*(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng)*

**Ghi chú:** Theo khoản 3d Điều 12 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2011 và Điều 8 Nghị định 59/2011/NĐ-CP, chi phí cổ phần hóa được trừ vào vốn nhà nước hoặc nguồn thu từ cổ phần hóa tại Doanh nghiệp là 500.000.000 đồng. Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, đề nghị Tổng Công ty Hải Hải Việt Nam phê duyệt khoản chi phí cổ phần hóa thực tế vượt mức quy định tại Điều 12 Thông tư 196 được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

**PHẦN V. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY  
CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**

Dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng sau khi cổ phần hóa được đính kèm trong hồ sơ Phương án cổ phần hóa.

## PHẦN VI. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI LAO ĐỘNG

### 1. Kế hoạch sắp xếp lao động

TT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	3.828
1	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	56
a	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành từ thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp đến 30/06/2014	54
b	Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động trong tháng 3 và tháng 4 năm 2014	2
2	Số lao động chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	3.772

Tổng số lao động có tên trong danh sách người lao động thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp 10/03/2014 là 3.828 người, trong đó:

- 54 người đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành
- 02 người chấm dứt hợp đồng lao động
- 3.772 người sẽ được chuyển sang làm việc tại Công ty sau khi cổ phần hóa.

*(Các mẫu biểu liên quan theo Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã Hội đính kèm)*

### 2. Kế hoạch xử lý lao động

Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu của Công ty là 54 người theo quy định tại Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp.

Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động là 02 người.

### 3. Kế hoạch tuyển dụng

Trên cơ sở nhận định về quy mô thị trường và năng lực khai thác, Công ty dự kiến sử dụng nguồn lao động sẵn có tại Công ty, không tăng thêm lao động, và chỉ bổ sung lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao thay thế một phần lao động giảm tự nhiên. Với xu thế chung của ngành khai thác cảng, máy móc thiết bị sẽ dần thay thế con người trong nhiều công đoạn sản xuất với hiệu quả và quy mô sản xuất lớn hơn. Công ty tăng cường đổi mới công nghệ ứng dụng CNTT để nâng cao năng suất lao

động, giảm số lao động phổ thông, hoặc lao động ngành nghề giản đơn. Cụ thể như sau:

Bảng 26: Kế hoạch lao động trong quá trình tái cơ cấu từ nay đến năm 2018

*Đơn vị tính: Người*

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Số lượng lao động dự kiến	3.800	3.700	3.600	3.500	3.500

*Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng*

## PHẦN VII. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT

### 1. Tình hình sử dụng đất tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Đến thời điểm 0h ngày 30/06/2013, Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng đang quản lý tổng diện tích là 2.151.161 m<sup>2</sup>, trong đó 1.124.630,5 m<sup>2</sup> là diện tích đất và 1.026.530,5 m<sup>2</sup> là diện tích mặt nước. Chi tiết cụ thể về đất đai Công ty đang quản lý như sau:

Bảng 27: Tình hình sử dụng đất đai trước khi cổ phần hóa

Phân loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ
<b>Đất được Nhà nước giao</b>	<b>762.472,0</b>	<b>35,4%</b>
<i>Đất được giao sử dụng lâu dài có thu tiền sử dụng đất</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Đất được giao không thu tiền sử dụng đất</i>	<i>762.472,0</i>	<i>35,4%</i>
<b>Đất được Nhà nước cho thuê trả hàng năm</b>	<b>1.388.689,0</b>	<b>64,6%</b>
<b>Đất khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.151.161</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà đất sử dụng của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng*

Trong đó, phần diện tích đất đã chuyển nhượng/ bị thu hồi lại là 0 m<sup>2</sup>, phần diện tích đất thuộc quyền khai thác, quản lý sử dụng và theo dõi còn lại của Công ty là 2.151.161 m<sup>2</sup>.

### 2. Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa

Căn cứ văn bản số 1466/UBND-DN ngày 11 tháng 03 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Phương án sử dụng đất phục vụ cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Cảng Hải Phòng như sau:

Bảng 28: Phương án sử dụng đất đai sau khi cổ phần hóa

Phân loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ
<b>Đất được Nhà nước giao</b>	<b>762.472,0</b>	<b>35,4%</b>
<i>Đất được giao sử dụng lâu dài có thu tiền sử dụng đất</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Đất được giao không thu tiền sử dụng đất</i>	<i>762.472,0</i>	<i>35,4%</i>
<b>Đất được Nhà nước cho thuê trả hàng năm</b>	<b>1.388.689,0</b>	<b>64,6%</b>

Đất khác	0	0
Đất đã bị chuyển nhượng/bị thu hồi		
Tổng cộng	2.151.161	100%

*Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng*

Bảng 29: Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa

TT	Tên, địa chỉ lô đất	Tổng diện tích lô đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất được nhà nước giao nước giao (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất nhà nước cho thuê (m <sup>2</sup> )		Thời gian giao, cho thuê đất	Mục đích sử dụng đất hiện tại	Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa
				Trả tiền một lần	Trả tiền hàng năm			
1	Thửa đất số 8A đường Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền	4.083,2	Không thu tiền sử dụng đất	Trả tiền	Trả tiền hàng năm	4.083,2 50 năm từ năm 2007	Văn phòng làm việc của Cảng Hải Phòng	Văn phòng làm việc của Cảng Hải Phòng
2	Thửa đất số 23 đường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền xây dựng trung tâm Y Tế	1.022,0	1.022,0			Thời hạn lâu dài	Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng để phục vụ kiểm tra và chăm sóc, khám sức khỏe cho CBCNV	Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng để phục vụ kiểm tra và chăm sóc, khám sức khỏe cho CBCNV
3	Bãi chứa đường phường Mỹ, quận Ngô	6.472,7				50 năm từ năm 2007	Kinh doanh kho bãi và kho chứa nhựa đường hóa	Kinh doanh kho bãi và kho chứa nhựa đường hóa

**CÔNG TY TNHH MTV CẢNG HẢI PHÒNG  
PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**



PORT OF HAI PHONG

TT	Tên, địa chỉ lô đất	Tổng diện tích lô đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất được nhà nước giao (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất nhà nước cho thuê (m <sup>2</sup> )	Thời gian giao, cho thuê đất	Mục đích sử dụng đất hiện tại	Phương án sử dụng đất khi cổ phần hoá
	Quyền		Không thu tiền sử dụng đất	Trả tiền một lần	Trả tiền hàng năm		
4	Thửa đất số 04 đường Hoàng Diệu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền	2.276,8		2.276,8	10 năm từ năm 2007	lông Văn phòng làm việc của chi nhánh XNXD & VT Bạch Đằng, Trung lực Cảng Hải Phòng	lông Văn phòng làm việc của chi nhánh XNXD & VT Bạch Đằng, Trung lực tâm điện lực Cảng Hải Phòng
5	Thửa đất số 09 đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng	1.225,4		1.225,4	50 năm từ năm 2007	Trung lực Cảng Hải Phòng	Trường Trung cấp nghề Cảng Hải Phòng
6	Thửa đất số 02 đường Hoàng Diệu,	355.949,9		355.949,9	Đất năm trong quy	Khu cảng chính khai thác xếp dỡ	Khu cảng chính khai thác xếp

**CÔNG TY TNHH MTV CẢNG HẢI PHÒNG  
PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**



TT	Tên, địa chỉ lô đất	Tổng diện tích lô đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất được nhà nước giao (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất nhà nước cho thuê (m <sup>2</sup> )	Thời gian giao, cho thuê đất	Mục đích sử dụng đất hiện tại	Phương án sử dụng đất khi cổ phần hoá
			Không thu tiền sử dụng đất	Trả tiền một lần	Trả tiền hàng năm		
	phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền				hoạch, chưa được cấp GCN	hàng hóa, kinh doanh kho bãi và các dịch vụ logistic	đỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi và các dịch vụ logistic
7	Khu đất số 2 đường bao Trần Hưng Đạo, phường Đông Hải I, quận Hải An	236.820,2		236.820,2	50 năm từ năm 2004	Khu cảng Chùa Vẽ khai thác xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi và các dịch vụ logistics, dịch vụ Tiếp nhận hàng logistics. Tiếp hóa tàu quân sự và các dịch vụ tàu quân sự và khác	Khu cảng Chùa Vẽ khai thác xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi và các dịch vụ logistics, dịch vụ Tiếp nhận hàng logistics. Tiếp hóa tàu quân sự và các dịch vụ tàu quân sự và khác
8	Khu đất lô 15 đường	777,0		777,0	50 năm từ	Trụ sở văn	Trụ sở văn

**CÔNG TY TNHH MTV CẢNG HẢI PHÒNG  
PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**



PORT OF HAIPHONG

TT	Tên, địa chỉ lô đất	Tổng diện tích lô đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất được nhà nước giao (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất nhà nước cho thuê (m <sup>2</sup> )	Thời gian giao, cho thuê đất	Mục đích sử dụng đất hiện tại	Phương án sử dụng đất khi cổ phần hoá
	Lê Hồng Phong, phường Đằng Lâm, quận Hải An		Không thu tiền sử dụng đất	Trả tiền một lần hàng năm	năm 2010	phòng	phòng
9	Cảng Đình Vũ giai đoạn II, phường Đông Hải II, Quận Hải An	436.460,0		436.460,0	50 năm từ năm 2012	Khu cảng Đình Vũ giai đoạn II (XNXD Tân Cảng) khai thác xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi và các dịch vụ logistics	Khu cảng Đình Vũ giai đoạn II (XNXD Tân Cảng) khai thác xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi và các dịch vụ logistics
10	Cảng Đình Vũ giai đoạn III, phường Đông Hải II, Quận Hải An	74.244,3		74.244,3		Khu cảng Đình Vũ giai đoạn III (XNXD Tân Cảng) khai thác	Khu cảng Đình Vũ giai đoạn III (XNXD Tân Cảng) khai thác

TT	Tên, địa chỉ lô đất	Tổng diện tích lô đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất được nhà nước giao (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất nhà nước cho thuê (m <sup>2</sup> )	Thời gian giao, cho thuê đất	Mục đích sử dụng đất hiện tại	Phương án sử dụng đất khi cổ phần hoá
			Không thu tiền sử dụng đất	Trả tiền một lần	Trả tiền hàng năm		
11	Thửa đất khu hậu cần Bến Gót - Cát Hải, Đầm EC, thị trấn Cát Hải	5.299,0		5.299,0	40 năm từ năm 2006	xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi và cách dịch vụ logistics	xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi và cách dịch vụ logistics
12	Mặt nước chuyên tải Bạch Đằng, xã Đông Hải, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng	60.000,0	60.000,0	60.000,0	Thời hạn lâu dài	Khu nhà quản lý và dịch vụ cần cho khu chuyên tải Bến Gót, Lạch Huyện	Khu nhà quản lý và dịch vụ cần cho khu chuyên tải Bến Gót, Lạch Huyện
						cho tàu	cho tàu
						7.000DWT	7.000DWT

**CÔNG TY TNHH MTV CẢNG HẢI PHÒNG  
PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**



TT	Tên, địa chỉ lô đất	Tổng diện tích lô đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất được nhà nước giao (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất nhà nước cho thuê (m <sup>2</sup> )	Thời gian giao, cho thuê đất	Mục đích sử dụng đất hiện tại	Phương án sử dụng đất khi cổ phần hoá
13	Mặt nước khu cảng nổi chuyên tải hàng hóa tại thị trấn Cát Hải và xã Phù Long, huyện Cát Hải	205.080,5	Không thu tiền sử dụng đất	Trả tiền một lần hàng năm	205.080,5 Thời hạn lâu dài	Khu chuyên tải cho tàu 30.000 - 50.000 DWT	Khu chuyên tải cho tàu 30.000 - 50.000 DWT
14	Khu chuyên tải vịnh Lan Hạ	761.450,0	761.450,0			03 điểm neo đậu, chuyên tải dầu cho tàu trọng tải 20.000 - 40.000 DWT	4 điểm neo đậu, chuyên tải dầu cho tàu trọng tải 20.000 - 40.000 DWT

*Nguồn: Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà đất sử dụng của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng*

## PHẦN VIII. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 5 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA

### 1. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa

#### 1.1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên gọi đầy đủ: Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng
- Tên giao dịch quốc tế: Port of Hai Phong Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Cảng Hải Phòng/Port of Hai Phong
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần
- Vốn điều lệ: 3.269.600.000.000 đồng (Ba nghìn hai trăm sáu mươi chín tỷ, Sáu trăm triệu đồng)
- Địa chỉ giao dịch: Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại: 031.3859945
- Fax: 031.3859973
- Website: haiphongport.com.vn
- Logo:



PORT OF HAI PHONG

#### 1.2. Hình thức pháp lý

Công ty có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng; Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các văn bản pháp lý khác liên quan, được đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

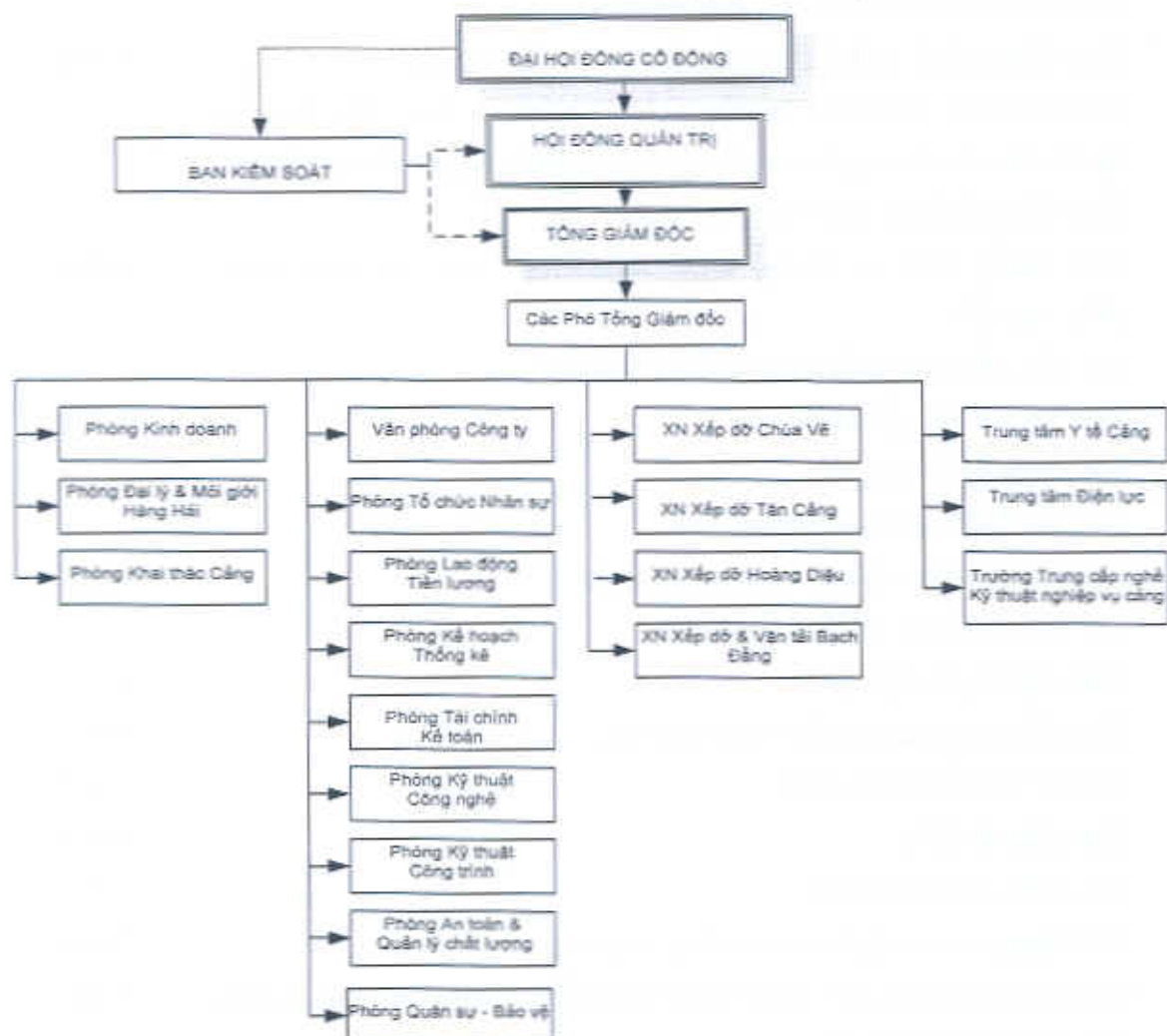
#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bốc xếp hàng hóa	5224
2	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
4	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu,	6810

STT	Tên ngành	Mã ngành
	chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng	
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Môi giới thuê tàu biển; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, nâng hạ hàng hóa; dịch vụ khai thuê hải quan	5229
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa	8299
8	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
9	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa container	3319
10	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh container	8129
11	Giáo dục nghề nghiệp	8532
12	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá	8610
13	Lai dắt và hỗ trợ tàu biển	5222
14	Sửa chữa thiết bị	3312
15	Sửa chữa cơ sở hạ tầng	4290
16	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ	5610
17	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên (phục vụ tiệc, hội họp...)	5621
18	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
19	Và các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua.	

#### 1.4. Cơ cấu tổ chức sau cổ phần hóa

Hình 2: Cơ cấu tổ chức Công ty sau cổ phần hóa



**Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty cổ phần.

**Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty do ĐHĐCĐ bầu ra, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

**Tổng giám đốc:** Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước

Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

**Phó Tổng giám đốc:** Các Phó Tổng giám đốc giúp việc cho Tổng giám đốc chỉ đạo, điều hành và thực hiện từng lĩnh vực quản lý theo phân công, ủy quyền của Tổng giám đốc và thực hiện các nhiệm vụ khác khi có nhu cầu bổ sung. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc được ủy quyền.

Các Phó Tổng giám đốc giúp việc Tổng giám đốc bằng việc trực tiếp chỉ đạo giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực:

- Xây dựng cơ bản, đầu tư cơ sở hạ tầng, an toàn lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống lụt bão
- Quản lý khai thác, điều hành sản xuất của Công ty gồm: xây dựng kế hoạch và điều hành sản xuất, khai thác cảng, tổ chức bố trí, điều động tàu, phương tiện ra vào các khu vực xếp dỡ của cảng (bao gồm cả trong cầu và khu Cảng chuyển tải)
- Công tác lao động, tiền lương, chế độ chính sách, hành chính, văn phòng, tuyên truyền, báo chí, công tác quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, y tế, quân sự - bảo vệ, và các phong trào hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong Công ty
- Kinh doanh, tiếp thị, kho hàng, giao nhận vận chuyên, đóng gói hàng hóa
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ, sửa chữa cơ khí, mua sắm nguyên nhiên vật liệu, vật tư, phụ tùng thiết bị

Các phòng, ban chức năng và các đơn vị phụ thuộc sau khi cổ phần hóa sẽ không thay đổi so với trước cổ phần hóa. Tuy nhiên, Công ty sẽ xem xét thay đổi cơ cấu tổ chức theo tình hình hoạt động, phù hợp với xu thế phát triển của các doanh nghiệp.

Cơ cấu tổ chức trên chưa bao gồm các tổ chức Đảng, Đoàn thể theo quy định của pháp luật.

### 1.5. Cơ cấu sở hữu

Sau cổ phần hóa, Công ty sẽ nắm giữ vốn cổ phần tại các công ty, đơn vị thành viên như sau:

Bảng 30: Danh sách các công ty con, công ty liên kết của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng sau cổ phần hóa

**Các doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng nắm giữ trên 50% vốn điều lệ**

- 1 CTCP Lai dắt và vận tải Cảng Hải Phòng
- 2 CTCP Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ

**Các doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng nắm giữ từ 36% vốn điều lệ trở lên**

- 1 CTCP Vinalines Đông Bắc
- 2 CTCP đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng

**Các doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng nắm giữ dưới 36% vốn điều lệ**

- 1 CTCP Logistics Cảng Sài Gòn
- 2 CTCP đầu tư và thương mại Hàng hải Hải Phòng
- 3 Trường cao đẳng nghề Hàng Hải Việt Nam
- 4 CTCP vận tải Container Đông Đô
- 5 Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam
- 6 CTCP tin học và công nghệ Hàng Hải
- 7 CTCP Vinalines Logistics
- 8 CTCP Chứng khoán Hải Phòng

Sau khi cổ phần hóa, Công ty dự kiến giữ lại các khoản đầu tư tại các công ty trên 50% và các khoản đầu tư tại các công ty hoạt động kinh doanh hiệu quả. Các khoản góp vốn còn lại, Công ty sẽ xem xét đưa ra lộ trình thoái vốn tại các doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả về mặt tài chính hoặc không phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

## **2. Phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa**

### **2.1. Thuận lợi**

- Việt Nam là một nước đang trong giai đoạn phát triển với một thể chế chính trị được đánh giá ổn định và hệ thống cơ sở hạ tầng chưa được hoàn thiện và đang trong quá trình đầu tư xây dựng. Trong những năm gần đây, tuy chịu tác động mạnh của tình hình kinh tế khó khăn làm ảnh hưởng lớn đến tốc độ tăng trưởng GDP, thu nhập bình quân trên đầu người, Chính phủ Việt Nam đã kịp thời thực hiện các chính sách đồng bộ nhằm tháo gỡ những khó khăn đang diễn ra, đặc biệt chú trọng vào việc thúc đẩy hoạt động sản xuất, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, kiểm soát chặt chẽ những biến động về lãi suất và cho vay để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đánh giá của IMF, tổng sản phẩm quốc nội của Việt Nam năm 2013 sẽ được duy trì ở mức 5,3% cao hơn năm 2012 là 5,03%.

- Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước trong tháng 2 năm 2014 đạt 19,63 tỷ USD, giảm 8,6% so với tháng trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 9,54 tỷ USD và kim ngạch nhập khẩu đạt 10,09 tỷ USD. Tính lũy kế 2 tháng đầu năm 2014, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước đạt 41,4 tỷ USD, tăng 13,1% so với

cùng kỳ năm 2013. Đây là nguồn phát triển lớn cho các doanh nghiệp lĩnh vực xuất nhập khẩu, vận tải và đặc biệt là cảng biển.

- Dự báo năm 2014, lượng hàng hóa thông qua các cảng khu vực Hải Phòng sẽ có chiều hướng tăng trưởng. Chính sách của Chính phủ bắt đầu mở cửa cho phép các doanh nghiệp được kinh doanh hàng nội tạng động vật tạm nhập tái xuất chuyển khẩu qua Trung Quốc nên lượng hàng container đông lạnh xuất nhập khẩu sẽ tăng.

- Cảng Hải Phòng nắm trong tay lợi thế to lớn về cơ sở vật chất, trong tình hình quỹ đất ngày một khan hiếm, đặc biệt là những khu đất có vị trí sát bờ sông Cấm, nơi có vị thế thuận lợi trong việc xây dựng, khai thác cảng biển. Là cửa ngõ giao thông lớn và quan trọng của toàn khu vực phía Bắc, các doanh nghiệp khai thác Cảng tại Hải Phòng đều hoạt động năng suất, đạt hiệu quả lợi nhuận và luôn là mối quan tâm hàng đầu của các nhà đầu tư cũng như các cơ quan nhà nước.

## **2.2. Khó khăn**

- Về mặt thị trường, khu vực Hải Phòng hiện có 36 cảng với các quy mô khác nhau trong đó nhiều cảng hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, cảng tư nhân có cơ sở vật chất thiết bị hiện đại và rất tích cực trong mở rộng nguồn khách hàng. Trong tương lai, Dự án cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, dự kiến là cảng biển lớn nhất Việt Nam sẽ hoàn thành giai đoạn 1 vào cuối năm 2016. Các cảng này thu hút một lượng đầu mỗi khách hàng nhất định của Công ty, đồng thời, gây sức ép lên giá cước, doanh thu của Cảng Hải Phòng trong quá trình khai thác. Cảng Hải Phòng đang đề xuất cho phép cơ chế tính và áp dụng giá cước mới, đảm bảo tính cạnh tranh và công bằng, và đang nỗ lực mở rộng các kênh thương mại lấy lại thị phần khai thác cảng trong khu vực. Trong dài hạn, Cảng Hải Phòng đã có kế hoạch mở rộng đầu tư ra khu vực Lạch Huyện, nơi có Dự án cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, giữ vững ưu thế dẫn đầu ngành khai thác cảng của mình trong khu vực.

- Là một doanh nghiệp do Nhà nước nắm vốn chi phối, Cảng Hải Phòng có trách nhiệm phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - chính trị, an ninh quốc phòng khi phải tổ chức tiếp nhận các loại tàu, mặt hàng không có doanh thu hoặc chi phí khai thác cao nhưng giá cước thấp như tàu quân sự, tàu chở thức ăn gia súc, hàng rời các loại, phân bón, máy móc thiết bị ... Các hoạt động này không mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty nhưng có ý nghĩa an ninh - xã hội, thúc đẩy sự phát triển chung của nền kinh tế toàn khu vực.

- Về năng lực kết nối giao thông, luồng tàu vào cảng bị sa bồi, không kịp đáp ứng nhu cầu tiếp nhận tàu cỡ lớn. Cảng Hải Phòng đang đề xuất các phương án tích

cực sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp cho việc nạo vét duy tu hàng năm. Mặt khác, về vấn đề kết nối hậu phương cảng, vận tải đường bộ chiếm ưu thế với tỷ trọng cao trong tổng khối lượng lưu thông, thường hay ùn tắc do quá tải, làm ảnh hưởng đến sự lưu chuyển hàng hoá, tốc độ giải phóng tàu. Năng lực vận chuyển hàng hoá bằng đường sắt, đường bộ và thủy nội địa kết nối với Cảng Hải Phòng còn hạn chế. Tuy nhiên, trong dài hạn, tuyến đường quốc lộ 5B mới sẽ giúp cải thiện đáng kể giao thông khu vực, mở rộng năng suất khai thác cho Cảng Hải Phòng.

### 2.3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và các giải pháp thực hiện

#### 2.3.1. Kế hoạch đầu tư sau khi cổ phần hóa

##### a. Tổng nhu cầu đầu tư của Công ty sau cổ phần hóa

Bảng 31: Nhu cầu đầu tư của Công ty sau cổ phần hóa

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	2014	2015	2016	2017	2018
I	<b>Cơ sở hạ tầng</b>	<b>209.300</b>	<b>262.609</b>	<b>73.684</b>	<b>11.000</b>	<b>26.000</b>
1	Hoàn thiện Cảng Đình Vũ giai đoạn II	10.000	20.000			
2	Cảng Đình Vũ giai đoạn III	50.000	20.000			
	Gói 5B-Hệ thống điện sau bến 7	20.000				
	Gói 5C-Đường, bãi, hệ thống cấp thoát nước	30.000				
3	Nhà đội cơ giới, cần trục và bới hậu phương 3,4 giai đoạn 2 XNXD Tân Cảng.	25.000	21.066			
	Gói XL1 - Nhà đội cơ giới	10.000				
	Gói XL2 - Nhà đội cần trục	10.000				
	Hệ thống cấp điện và bãi HP cầu 3,4 giai đoạn II.	5.000				
4	Bãi hậu phương bến 5,6 XNXD Tân Cảng	27.000	50.000	43.000		
	Nhà điều hành 5 tầng	15.000				
	Kho CFS	6.000				

TT	Tên dự án	2014	2015	2016	2017	2018
	Bãi hậu phương cầu 5	6.000				
5	Cải tạo kéo dài bến phụ Chùa Vẽ về thượng lưu	500	86.654	9.684		
6	Nâng cấp cải tạo Hệ thống điện xí nghiệp Chùa Vẽ	25.800				
7	Dự án đường RTG các bãi 3-6 XNXD Tân cảng	30.000	10.000			
8	Hệ thống cấp điện XNXD Tân Cảng	30.000	30.000	10.000	10.000	25.000
9	Các công trình đầu tư nhỏ	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
10	Nạo vét vũng quay tàu	10.000	3.889			
11	Dự án đường RTG 3-6 XNXDTC giai đoạn II		20.000	10.000		
<b>II</b>	<b>Thiết bị</b>	<b>374.489</b>	<b>344.380</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Thiết bị xếp dỡ hàng rời (Xe xúc lật thủy lực)	3.519				
2	Hoán cải RTG tại Chùa Vẽ sử dụng điện lưới	3.280				
3	Cần trục giàn RTG nâng cao năng lực cho XNXD Tân Cảng	309.870				
4	Cần trục giàn QC cho XNXD Tân Cảng (phục vụ xếp dỡ tại cầu 7)	20.600	185.400			
5	Dự án đầu tư tăng sức nâng của 04 chiếc cần trục giàn QC tại Chùa Vẽ	15.000				
6	Dự án đầu tư cần trục giàn RTG	17.220	154.980			
7	Dự án đầu tư xe khách 41-45 chỗ		4.000			
8	Các dự án đầu tư nhỏ	5.000				
<b>III</b>	<b>Công nghệ thông tin</b>	<b>42.558</b>	<b>34.057</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Hệ thống công nghệ thông tin cho Tân Cảng	34.058	34.057			

TT	Tên dự án	2014	2015	2016	2017	2018
2	Nâng cấp hệ thống máy chủ, hệ thống cơ sở hạ tầng mạng MIS	3.000				
3	Nâng cấp cải tiến phần mềm hệ thống thông tin quản lý MIS	4.000				
4	Xây dựng phần mềm quản lý khối kỹ thuật	1.500				
IV	Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (chi tiết ở mục b dưới đây)	50.700	27.300			
V	Dự án đầu tư xây dựng các bến tàu tại Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng - Cảng Hải Phòng	1.000	5.000	14.000	350.000	350.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>678.047</b>	<b>673.346</b>	<b>87.684</b>	<b>361.000</b>	<b>376.000</b>

**Định hướng phát triển các dự án:**

- Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ: Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ được đầu tư xây dựng hệ thống cầu bãi, phương tiện xếp dỡ hiện đại bằng nguồn vốn ODA đang là một trong những bến cảng container hiện đại nhất miền Bắc với tổng chiều dài bến là 848m. Sau khi đầu tư kéo dài, tổng chiều dài bến của xí nghiệp sẽ là 942m với phương tiện xếp dỡ tại cầu và bãi đồng bộ, hệ thống thiết bị, phần mềm quản lý hiện đại sẽ là một địa chỉ tin cậy của chủ hàng trong và ngoài nước. Cùng với đó, hiện nay Cảng Hải Phòng đang tiến hành nạo vét vũng quay trước cảng để tàu ra vào bến được nhanh chóng, tiện lợi giảm thời gian chờ đợi, chi phí di chuyển để quay tàu.

- Xí nghiệp Xếp dỡ Tân Cảng: Thực hiện phát triển theo định hướng tại Quyết định số 2190/QĐ-TTg ngày 24/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Cảng Hải Phòng tiếp tục thực hiện đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực xếp dỡ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Tân Cảng đến năm 2015 sẽ hoàn chỉnh toàn bộ, lượng container thông qua cảng sẽ khoảng 1 triệu TEUs (năm 2013 là 513.000 TEUs).

- Dự án đầu tư xây dựng cảng MIPEC: Hiện nay, khu vực Đình Vũ có nhiều lợi thế để tiếp nhận tàu có tải trọng lớn vào làm hàng. Khu vực đất Cảng Hải Phòng được giao tại Đình Vũ hiện nay đã đầu tư xong toàn bộ 7 cầu cảng (gồm cả 2 cầu cảng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ). Qua thời gian đầu tư xây dựng

và khai thác cho thấy đây là khu vực thuận lợi, có hiệu quả đối với khai thác và kinh doanh dịch vụ cảng biển. Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội (MIPEC) đã được Bộ Quốc Phòng, Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng Hải Việt Nam và Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng đồng ý xây dựng 2 cầu tàu 20.000DWT và các công trình kỹ thuật đồng bộ để khai thác cảng tổng hợp tại khu đất nằm trong khu kinh tế Đình Vũ, tiếp giáp sông Bạch Đằng, liền kề với đường xuyên đảo Đình Vũ ra phả Đình Vũ. Cảng Hải Phòng và Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân Đội dự kiến sẽ thỏa thuận góp vốn đầu tư hoàn chỉnh dự án. Việc đóng góp vốn đầu tư thực hiện xây dựng cầu cảng tại đây là cần thiết để mở rộng thị trường sản xuất kinh doanh và giải quyết một số lao động của Cảng khi bị thu hẹp tại Hoàng Diệu.

- Dự án đầu tư xây dựng các bến tàu tại Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng - Cảng Hải Phòng: Theo xu thế hướng chung các cảng khu vực thượng lưu sẽ dần dần thu hẹp và chuyển hoạt động bốc xếp xuống khu vực hạ lưu nơi có điều kiện thuận lợi cho các hàng tàu vào làm hàng. Căn cứ chủ trương đầu tư xây dựng Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng tại Lạch Huyện đến năm 2020 Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng với quy mô 11 bến cho tàu đến 100.000 DWT, đáp ứng lượng hàng thông qua khoảng 26 triệu tấn/năm. Đến năm 2030 tổng chiều dài bến ở Lạch Huyện khoảng trên 13.000m, cho tàu container có trọng tải đến 8.000 TEU, tàu tổng hợp, hàng rời có trọng tải đến 100.000 DWT, đáp ứng lượng hàng thông qua khoảng trên 100 triệu tấn/năm. Với truyền thống hơn 80 năm quản lý, khai thác cảng và lực lượng hàng nghìn cán bộ công nhân viên lành nghề trong việc xếp dỡ hàng hóa, để tiếp tục phát triển mở rộng đáp ứng yêu cầu tăng trưởng hàng hóa và giữ vững thương hiệu Cảng Hải Phòng. Cảng Hải Phòng đã được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải khuyến khích đầu tư xây dựng cảng tại Lạch Huyện. Công ty dự kiến sẽ đầu tư 6 bến tàu container tổng hợp với chiều dài khoảng 2.250 m có khả năng đón được tàu container trọng tải 8000 TEU, dự kiến đầu tư cơ sở hạ tầng từ năm 2017, 2018 và có thể bắt đầu khai thác từ năm 2020. Hiện Công ty đang trong giai đoạn xin phép Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan có thẩm cấp phép.

**b. Kế hoạch góp vốn/ thoái vốn**

Bảng 32: Kế hoạch góp vốn/thoái vốn tại các công ty con, công ty liên kết

TT	Nhu cầu đầu tư	Đơn vị: tỷ đồng			
		2014	2015	2016	2017
1	Góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết	50,7	27,3	0	0
2	Thoái vốn tại công ty con,	0	0	0	0

công ty liên doanh, liên kết

*Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng*

**Ghi chú:**

- Công ty đã ký biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư với Công ty cổ phần Hóa dầu Quân đội dự kiến góp vốn thành lập Công ty cổ phần để đầu tư, khai thác cảng tổng hợp, container với 02 cầu cảng tiếp nhận tàu 20.000 DWT tại Đình Vũ, tiếp giáp sông Bạch Đằng, liền kề với đường xuyên đảo Đình Vũ ra phà Đình Vũ. Cảng Hải Phòng góp 26% Vốn điều lệ tại CTCP này, tương đương 78 tỷ đồng. Kế hoạch góp vốn dự kiến diễn ra thành 3 đợt:

- + Đợt 1: góp vốn 30% Vốn điều lệ ngay sau khi thành lập công ty cổ phần
- + Đợt 2: góp vốn 30% Vốn điều lệ vào đầu quý IV năm 2014
- + Đợt 3: góp vốn 35% Vốn điều lệ vào đầu quý II năm 2015

- Công ty sẽ cân nhắc kế hoạch thoái vốn, giảm tỷ lệ sở hữu nếu tại các thời điểm phù hợp nếu các đơn vị kinh doanh không hiệu quả hoặc việc nắm giữ cổ phần tại các công ty này không còn phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

**2.3.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm sau cổ phần hóa**

Bảng 33: Kế hoạch kinh doanh 5 năm sau cổ phần hóa

Chỉ tiêu	Đơn vị: Triệu đồng				
	2014	2015	2016	2017	2018
<b>I. SỐ LIỆU CÔNG TY MẸ</b>					
1. Kế hoạch đầu tư	678.047	673.346	87.684	361.000	376.000
2. Vốn điều lệ	3.269.600	3.269.600	3.269.600	3.269.600	3.269.600
3. Tổng số lao động (người)	3.800	3.700	3.600	3.500	3.500
4. Tổng quỹ lương	466.478	431.625	434.071	447.041	460.559
5. Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	10,2	9,7	10,0	10,6	11,0
6. Sản lượng (1000 Tấn)	19.400	20.000	20.800	21.800	23.000
- Xuất khẩu	4.650	4.794	4.986	5.225	5.513
- Nhập khẩu	8.650	8.918	9.274	9.720	10.255
- Nội địa	6.100	6.289	6.540	6.855	7.232

**Các mặt hàng chủ yếu**

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018
- Container (1000 TEU)	1.070	1.110	1.160	1.200	1.300
- Hàng rời (1000 Tấn)	5.200	5.400	5.500	5.600	5.500
7. Tổng doanh thu	1.470.000	1.500.000	1.607.000	1.707.000	1.812.000
7.1 Hoạt động KDCB	1.400.000	1.450.000	1.550.000	1.650.000	1.750.000
7.2 Hoạt động tài chính+khác	70.000	50.000	57.000	57.000	62.000
8. Tổng chi phí	1.253.680	1.259.202	1.324.453	1.359.254	1.350.733
8.1 Chi phí hoạt động KDCB	1.211.141	1.194.625	1.212.097	1.261.343	1.275.436
+ Nhiên liệu	65.000	66.950	68.959	71.027	73.158
+ Vật liệu	60.600	65.448	70.700	76.400	82.500
+ Sửa chữa	70.857	62.000	62.000	72.000	60.000
+ Lương trực tiếp	466.478	431.625	434.071	447.041	460.559
+ Khấu hao	280.000	300.000	310.000	310.000	310.000
+ BHXH, KPCD, BHTN, BHYT	39.929	37.140	34.993	32.731	30.564
+ Điện	22.500	24.750	25.988	27.287	28.652
+ Nước	1.900	1.913	1.926	1.939	1.953
+ Chi phí quản lý, khác	203.877	204.799	203.460	222.918	228.050
8.2 Hoạt động tài chính+khác	42.539	64.577	112.356	97.911	75.297
9. Lợi nhuận trước thuế	216.320	240.798	282.547	347.746	461.267
10. Thuế TNDN	38.350	43.845	46.209	59.249	80.953
<b>11. Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>177.970</b>	<b>196.952</b>	<b>236.338</b>	<b>288.497</b>	<b>380.314</b>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (7% LNST)	12.458	13.777	16.528	20.195	26.622
Quỹ đầu tư phát triển (5% LNST)	8.898	9.848	11.817	14.425	19.016
Quỹ Dự phòng tài chính (5% LNST)	8.898	9.848	11.817	14.425	19.016
Chia cổ tức	130.784	163.480	196.176	228.872	261.568
LN còn lại chưa phân phối	16.931	0	0	10.580	54.092
12. Tỷ lệ cổ tức	4,0%	5,0%	6,0%	7,0%	8,0%
13. Tỷ suất lợi nhuận trên	5,4%	6,0%	7,2%	8,7%	11,3%

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018
vốn chủ sở hữu					
Vốn chủ sở hữu	3.304.328	3.289.285	3.293.208	3.309.004	3.372.279
14. Thu nhập trên 01 cổ phần (EPS) (đồng/cổ phần)	544	602	723	882	1.163
<b>II. SỐ LIỆU HỢP NHẤT</b>					
15. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ	215.226	234.708	266.126	318.285	405.102
16. Thu nhập trên 01 cổ phiếu (EPS)	658	718	814	973	1.239

**Các chỉ số về hiệu quả hoạt động và sinh lời (căn cứ số liệu công ty mẹ)**

TT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018
1	Chi phí/Doanh thu (hoạt động kinh doanh cơ bản)	86,5%	82,4%	78,2%	76,4%	73%
2	Lợi nhuận trước thuế /Doanh thu (hoạt động kinh doanh cơ bản)	13,5%	17,6%	21,8%	23,6%	27,12%
3	Tổng Lợi nhuận trước thuế /Tổng doanh thu	14,7%	16,1%	17,6%	20,4%	25,5%
4	Tổng Lợi nhuận sau thuế/ Tổng doanh thu	12,1%	13,1%	14,7%	16,9%	21,0%
5	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	5,4%	6,0%	7,2%	8,7%	11,3%

**Lưu ý:** Công ty đang trong quá trình cổ phần hóa và dự kiến việc cổ phần hóa sẽ hoàn tất vào cuối Quý 2 năm 2014, sau khi Công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần. Do đó, nếu đúng tiến độ nêu trên, kết quả sản xuất kinh doanh 2 quý cuối năm 2014 sau khi Công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần sẽ thuộc về các cổ đông và mức cổ tức chi trả cho cổ đông sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần.

**Thuyết minh kế hoạch kinh doanh (công ty mẹ):**

Kế hoạch đầu tư:

Sau cổ phần hóa Công ty tiếp tục hoàn thiện kế hoạch đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng và thiết bị công nghệ ở khu vực Tân Cảng Đình Vũ nhằm phát huy tối đa lợi thế tại khu vực này và nâng cao khả năng bốc xếp. Việc đầu tư này là thiết yếu và tiên quyết khi trong dài hạn xu hướng và tiềm năng khai thác của các cảng khu vực thượng lưu bị thu hẹp. Sau khi hoàn thành công tác đầu tư mở rộng này, năng lực bốc xếp của Công ty có thể đạt mức 25 triệu tấn/năm sau năm 2018.

Với chiến lược phát triển dài hạn, Cảng Hải Phòng có kế hoạch đầu tư các bến tàu tại Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (Khu Lạch Huyện), quy mô dự kiến là 6 bến container và tổng hợp với chiều dài 2.250 m cầu tàu có thể đón được tàu có trọng tải 8.000 TEU; 50.000 đến 100.000 DWT. Năng lực bốc xếp dự kiến của mỗi bến là 3 triệu tấn/năm. Hiện Công ty đang trong giai đoạn xin phép Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan có thẩm cấp phép. Công ty dự kiến triển khai đầu tư vào năm 2017, 2018 và có thể bắt đầu khai thác vào năm 2020.

Về sản lượng: Hiện tại năng lực bốc xếp của Cảng Hải Phòng đạt khoảng trên 20 triệu tấn/năm, tuy nhiên sản lượng thực tế phụ thuộc vào tình hình thị trường và cơ cấu hàng hóa bốc xếp. Trong điều kiện cạnh tranh gay gắt ở khu vực Hải Phòng khi nhiều cảng hiện tại đầu tư mở rộng nâng cao công suất và sự xuất hiện nhiều cảng mới (Vipco-GMD, Hải An...), Công ty đạt mục tiêu tăng trưởng sản lượng từ 3% trong năm 2014 và 2015 và tăng lên mức tăng trưởng 6-7% trong năm 2016-2018 khi việc đầu tư mở rộng và nâng công suất của khu Tân Cảng – Đình Vũ hoàn thiện vào năm 2015. Sau năm 2018, năng lực bốc xếp của Công ty có thể lên mức 25 triệu tấn/năm sau năm 2018 và dự kiến tiếp tục nâng cao năng tổng năng lực bốc xếp lên 43 triệu tấn/năm trong dài hạn sau khi hoàn thiện toàn bộ dự án đầu tư 06 bến container tại Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng.

Kế hoạch doanh thu:

Đối với hoạt động kinh doanh cơ bản: Trong điều kiện thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, xu hướng thu hẹp tại các cảng khu vực thượng lưu (bao gồm khu cảng Hoàng Diệu) và trong điều kiện tiếp tục hoàn thiện công tác đầu tư tại Tân Cảng Đình Vũ, Công ty đặt kế hoạch tăng trưởng doanh thu cho hoạt động kinh doanh cơ bản là từ 3-4%/năm trong năm 2014, 2015 và kỳ vọng mức tăng trưởng từ năm 2016 lên mức 6-7% sau khi hoàn thành việc đầu tư mở rộng khu Tân Cảng – Đình Vũ trong năm

2015. Sau năm 2018, quy mô doanh thu dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng khi năng lực bốc xếp nâng lên mức 25 triệu tấn/năm và dự án đầu tư các bến container và tổng hợp tại Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng được đưa vào khai thác dự kiến từ năm 2020.

Đối với hoạt động tài chính và hoạt động khác: Doanh thu chủ yếu từ việc thu lãi cổ tức từ các công ty con, so với năm 2013 và các năm trước cổ phần hóa, doanh thu hoạt động tài chính và hoạt động khác giảm đáng kể do (1) tiền lãi khoản gửi ngân hàng giảm khi công ty ưu tiên công tác đầu tư và duy trì lượng tiền mặt thấp (2) kế hoạch doanh thu tài chính tính đến các khoản hoàn nhập chênh lệch tỷ giá bất thường phát sinh trong năm trước cổ phần hóa.

#### Kế hoạch chi phí:

Tổng mức chi phí cho hoạt động kinh doanh cơ bản được rà soát và tiết giảm; tổng chi phí lương giảm từ 38%/doanh thu hoạt động kinh doanh cơ bản xuống bình quân còn khoảng gần 30%; các chi phí nhiên, vật liệu, chi phí sửa chữa, chi phí quản lý, khác cũng được rà soát đến mức giảm thiểu tối đa. Tỷ lệ chi phí/doanh thu (hoạt động kinh doanh cơ bản) giảm dần từ mức bình quân 95%/doanh thu các năm trước cổ phần hóa xuống dự kiến 86,5% năm 2014, 82,4% năm 2015 và 73% năm 2018.

Chi phí hoạt động tài chính được tính toán dựa trên các khoản vay nợ hiện tại, chi phí lãi vay phát sinh khi công ty tiếp tục đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng, thiết bị cho khu Tân Cảng Đình Vũ và đầu tư khác (chi phí lãi vay chỉ tính trên những khoản nằm trong kế hoạch đầu tư và có kế hoạch giải ngân), chi phí lãi vay tạm tính đối với giá trị của cầu 4, cầu 5 khu vực Chùa Vẽ được Nhà nước giao tặng tài sản và tăng nghĩa vụ trả nợ.

#### Kế hoạch lợi nhuận

Hoạt động kinh doanh cơ bản đã được cải thiện mạnh mẽ, tốc độ tăng trưởng LNTT hoạt động kinh doanh cơ bản năm 2014 tăng 212% so với năm 2013, tốc độ tăng trưởng năm 2015 đạt 35% so với năm 2014, tăng trưởng bình quân LNTT giai đoạn 2015-2018 bình quân đạt khoảng 26%.

Tỷ suất LNTT/Doanh thu của hoạt động kinh doanh cơ bản đạt mức hiệu quả tốt so với các năm trước cổ phần hóa từ mức trung bình 4,2% các năm 2011-2013 lên mức trung bình 20% trong giai đoạn 2014-2018.

Tỷ suất LNST/Tổng doanh thu giai đoạn trước cổ phần hóa 2011-2013 (bao gồm cả những khoản hoàn nhập bất thường từ chênh lệch tỷ giá) là 8%, sau cổ phần hóa tỷ

suất LNST/Tổng doanh thu giai đoạn 2014-2018 dự kiến lên mức trung bình 12,1% và đạt mức 21% vào năm 2018.

#### Kế hoạch cổ tức

Tại thời điểm xây dựng phương án cổ phần hóa, Công ty dự kiến chi trả mức cổ tức là 4% cho cả năm 2014, 5% trong năm 2015, 6% trong năm 2016, 7% trong năm 2017 và 8% trong năm 2018. Tuy nhiên kế hoạch này phụ thuộc vào kết quả kinh doanh thực tế và được Đại hội đồng cổ đông hàng năm thông qua.

#### **Thuyết minh chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất**

- Công ty tính toán số liệu lợi nhuận sau thuế hợp nhất (thuộc về cổ đông công ty mẹ) dựa trên lợi nhuận sau thuế của các công ty con theo tỷ lệ sở hữu của Cảng Hải Phòng tại các công ty này.

- Tại thời điểm xây dựng phương án cổ phần hóa, Công ty tính toán số liệu lợi nhuận hợp nhất với 2 công ty con là Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đình Vũ (tỷ lệ sở hữu 51%) và Công ty cổ phần Lai dất và vận tải Cảng Hải Phòng (tỷ lệ sở hữu 60%).

- Việc tính toán lợi nhuận hợp nhất này được đã loại trừ phần cổ tức của công ty mẹ nhận được từ 2 công ty con trên.

- Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2014 của các công ty con căn cứ theo số liệu của kế hoạch kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đình Vũ và Công ty cổ phần Lai dất và vận tải Cảng Hải Phòng công bố. Kế hoạch lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2015-2018 của các công ty này tạm tính theo số kế hoạch của năm 2014.

#### **2.3.3. Các giải pháp thực hiện**

##### **a. Giải pháp chung**

- Thứ nhất: Nắm bắt các thông tin về quy hoạch phát triển cảng trong khu vực, các định hướng của Nhà nước về xây dựng mô hình công ty, qua đó đề ra các giải pháp và chiến lược kinh doanh phát triển cảng lâu dài. Nghiên cứu khả năng hợp tác, liên doanh liên kết với các khách hàng lớn để cùng nhau khai thác hiệu quả các hạ tầng cơ sở có sẵn của Cảng Hải Phòng.

- Thứ hai, khai thác có hiệu quả năng lực nội tại của Cảng Hải Phòng nhằm gia tăng chất lượng dịch vụ, tiết giảm chi phí sản xuất đảm bảo tính cạnh tranh.

- Thứ ba: Tập trung, huy động mọi nguồn lực để đầu tư mở rộng phát triển Cảng, đầu tư chiều sâu nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh và khả năng cạnh tranh.

Trong đó, tập trung vào các dự án trọng điểm như Dự án Cảng Đình Vũ cho tàu 20.000 DWT về đầy đủ các mặt: cơ sở hạ tầng, thiết bị, công nghệ thông tin, công tác quản trị và nguồn nhân lực. Về dài hạn, Cảng Hải Phòng lên kế hoạch phát triển mới tại khu vực Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng và các dự án Trung tâm dịch vụ hậu cần sau cảng tại khu vực Hải Phòng do Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam là chủ đầu tư.

#### **b. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực**

- Chính sách đào tạo: tăng cường phối hợp với các tổ chức đào tạo trong nước và quốc tế, tranh thủ các nguồn tài trợ học bổng, tích cực mở rộng các khóa đào tạo, cập nhật công nghệ mới trong khai thác cảng biển và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ phù hợp với công nghệ hiện đại và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

- Chính sách đãi ngộ: trước yêu cầu ngày càng cao trên thị trường, việc tạo môi trường giữ chân được người lao động tiếp tục làm việc và thu hút thêm những lao động có chất lượng chuyên môn cao cần được chú trọng hàng đầu trong công tác phát triển nguồn nhân lực. Chính sách đãi ngộ CBCNV được thông qua các chương trình như phát hành cổ phiếu giá ưu đãi - cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm y tế... trên cơ sở xây dựng các cơ sở đánh giá năng lực chuyên môn, kinh nghiệm làm việc phù hợp với từng bộ phận chuyên môn.

#### **c. Giải pháp tài chính**

- Rà soát các khoản đầu tư ngoài doanh nghiệp, tập trung vốn cho lĩnh vực kinh doanh chính, thực hiện thoái vốn tại những doanh nghiệp ngoài lĩnh vực kinh doanh chính và đặc biệt là những doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh không hiệu quả.

- Đối với Cảng Hải Phòng hiện nay, tình hình tài chính của doanh nghiệp chịu sự tác động tương đối lớn của tỷ giá ngoại tệ, đặc biệt là tỷ giá USD và JPY do phụ thuộc vào giá thiết bị, giá nguyên vật liệu (xăng, dầu) và khoản vay ODA từ Nhật Bản. Để giảm thiểu rủi ro tỷ giá, Công ty có thể áp dụng các hợp đồng phái sinh ngoại tệ, hoặc phái sinh đối với giá xăng, dầu ví dụ như mua ngoại tệ hoặc xăng dầu qua hợp đồng kỳ hạn nhằm cố định giá tạo điều kiện thuận lợi hơn trong cân đối nguồn vốn sản xuất kinh doanh.

#### **d. Giải pháp marketing quảng bá thương hiệu**

- Với lợi thế là doanh nghiệp khai thác Cảng lớn nhất miền Bắc, Cảng Hải Phòng đã khẳng định được tên tuổi của mình trên thị trường. Tuy nhiên, để đẩy mạnh các

hợp đồng khai thác, Cảng Hải Phòng cần phát triển hơn nữa thương hiệu của mình thông qua các kênh quảng cáo, thương mại. Đồng thời, mở rộng, tăng cường quan hệ đối tác với các hãng tàu và công ty vận tải lớn, gia tăng lợi thế cạnh tranh.

- Nhằm nâng cao hình ảnh, chất lượng dịch vụ, Cảng Hải Phòng đã có những biên pháp hoàn thiện công tác quản lý và cải cái thủ tục hành chính để nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Nâng cao nhận thức về chất lượng dịch vụ khách hàng đến CBCNV toàn Công ty.

## **PHẦN IX. RỦI RO DỰ KIẾN**

### **1. Rủi ro kinh tế**

Thông thường, những diễn biến chung của nền kinh tế luôn ảnh hưởng đến sự phát triển của các thành phần kinh tế. Khi nền kinh tế trong chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát tốt, sức cầu tăng mạnh là động lực thúc đẩy các doanh nghiệp, ngược lại khi kinh tế suy thoái, lãi suất, lạm phát sẽ tăng cao... là lực cản không nhỏ tác động đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

Trong hai năm 2012 – 2013 vừa qua, với sự áp dụng quyết liệt các biện pháp đồng bộ trong điều hành kinh tế của chính phủ nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, xử lý nợ xấu và tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, giải quyết hàng tồn kho, tình hình kinh tế - xã hội đã có bước chuyển biến tích cực. Trong năm 2013, tăng trưởng GDP ước tính đạt 5,42% cao hơn mức 5.25% năm ngoái, tốc độ tăng CPI chậm lại ở mức 6,04% cả năm 2013. Tuy nhiên, khi chỉ tiêu lạm phát được kiểm soát, mức gia tăng sản phẩm và dịch vụ không cao, làm chậm lại kỳ vọng tăng trưởng công nghiệp, thương mại. Do vậy, với diễn biến hiện tại của các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế, các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các doanh nghiệp kinh doanh công nghiệp, thương mại, xuất nhập khẩu.

### **2. Rủi ro luật pháp**

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, mô hình tổ chức, hoạt động kinh doanh của Cảng Hải Phòng sẽ không còn được điều chỉnh bởi các quy định liên quan về tổ chức, quản lý tài chính áp dụng cho công ty Nhà nước. Cảng Hải Phòng sẽ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Ngoài ra, sau khi chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng, Cảng Hải Phòng sẽ chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán khi trở thành Công ty đại chúng. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, một số quy định chưa rõ ràng và còn lệ thuộc nhiều vào các văn bản hướng dẫn thi hành, cũng như một số vấn đề pháp lý phát sinh khác vẫn ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

### **3. Rủi ro đặc thù**

#### **3.1. Rủi ro quy hoạch**

Theo quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hải Phòng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 1448/QĐ-

TTg ngày 16/9/2009 thì khu vực Hoàng Diệu - Lê Thánh Tông thuộc khu dân cư đô thị hạn chế phát triển và từng bước sẽ phải di dời các nhà máy, xí nghiệp, kho tàng, cảng biển để dành đất xây dựng dịch vụ, công cộng và bổ sung cây xanh. Đất phần cảng ven sông Cẩm sẽ di dời sẽ dành cho phát triển khu chức năng đô thị, ưu tiên công trình dịch vụ công cộng, cây xanh, văn phòng, thương mại. Cảng Hoàng Diệu, vốn là cảng làm hàng rời lớn nhất của Công ty, nằm trong khu quy hoạch trên và trong tương lai sẽ phải di dời hoạt động khai thác. Cảng Hải Phòng đã có chiến lược và kế hoạch kinh doanh tương ứng đối với quy hoạch trên là từng bước di dời tài sản tại Cảng Hoàng Diệu sang phục vụ khai thác tại các khu cảng khác như Tân Cảng, Cảng Chùa Vẽ. Tuy nhiên, quy hoạch này mang tính dài hạn, đi vào thực tế sẽ để lại rủi ro cho hoạt động kinh doanh của Cảng Hải Phòng.

### **3.2. Rủi ro biến động giá đầu vào cho sản xuất**

Xăng dầu đóng vai trò là nguyên vật liệu chính cho đầu vào sản xuất kinh doanh của ngành khai thác cảng. Mặt khác, xăng dầu cũng là nhân tố quan trọng hoạt động kinh doanh của các hãng tàu, hãng vận tải. Vì vậy, mọi biến động giá xăng dầu nội địa và trên toàn thế giới cũng đều có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Cảng Hải Phòng. Trước tình hình ngày một khan hiếm của tài nguyên này và những bất ổn kinh tế - chính trị trên thế giới, giá nguyên vật liệu được dự báo sẽ dao động mạnh trong tương lai, tiềm ẩn nhiều rủi ro cho các doanh nghiệp liên quan bao gồm cả doanh nghiệp khai thác cảng và các khách hàng/ đối tác của họ.

### **3.3. Rủi ro thay đổi công nghệ**

Đặc thù ngành khai thác cảng là sử dụng các thiết bị nâng, đỡ quy mô lớn. Tốc độ thay đổi công nghệ đối với những thiết bị này không cao, vì vậy, các doanh nghiệp khai thác cảng không chịu nhiều rủi ro do sự thay đổi liên tục của công nghệ mới. Tuy nhiên, do việc đầu tư cho các thiết bị trên yêu cầu mức đầu tư lớn, doanh nghiệp sẽ cần chú ý tới hiệu quả trong sử dụng nhằm đảm bảo tính kinh tế của các khoản đầu tư vào máy móc thiết bị này.

### **3.4. Rủi ro cạnh tranh**

Cảng Hải Phòng chịu sự cạnh tranh của hơn 30 cảng lớn nhỏ khác trong vùng về hai mặt chủ yếu: nguồn khách hàng và giá cước, tác động trực tiếp đến thị phần của doanh nghiệp trên thị trường. Tân Cảng Đình Vũ nằm tại vị trí cửa ngõ quan trọng, có nhiều thuận lợi trong thu hút tàu đến làm hàng, mặt khác, các cảng như Chùa Vẽ hay Hoàng Diệu nằm sâu trong nội địa nên không có lợi thế này, chịu nhiều rủi ro cạnh

tranh hơn. Một số cảng đối thủ cạnh tranh có năng lực bốc xếp hiệu quả, năng động trong thu hút khách hàng mới. Mặt khác, Cảng Hải Phòng còn bị cạnh tranh bởi các cảng lớn không nằm trong khu vực Cảng Hải Phòng, ví dụ như Cảng Cái Lân, có thể thu hút tàu hàng từ khu vực Hải Phòng nói chung.

#### **4. Rủi ro liên quan đến các vấn đề cần tiếp tục xử lý khi cổ phần hóa và bàn giao sang công ty cổ phần**

Cảng Hải Phòng khi chuyển từ công ty TNHH một thành viên 100% vốn Nhà nước sang công ty cổ phần cần tiếp tục xử lý các vấn đề phát sinh và thực hiện quyết toán bàn giao vốn, tài sản từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (30/06/2013) đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Các kết quả xử lý có thể ảnh hưởng đến giá trị vốn góp của Nhà nước tại Công ty cổ phần và có thể phát sinh tăng dòng tiền phải nộp về Nhà nước.

Thứ nhất, hiện nay Cảng Hải Phòng đang hạch toán, quản lý và khai thác 2 cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ. Các tài sản được Nhà nước đầu tư bằng nguồn vốn vay ODA, sau đó bàn giao cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng quản lý, khai thác theo Quyết định số 37/QĐ-CHHVN ngày 18/01/2006 và Quyết định số 914/QĐ-CHHVN ngày 25/12/2006. Công ty đã ghi nhận tài sản từ thời điểm được bàn giao và hạch toán trích khấu hao tài sản cố định đối với 2 cầu cảng nêu trên. Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty, giá trị 2 cầu cảng nêu chưa được kết toán, Đơn vị xác định giá trị doanh nghiệp đã định giá lại là 162 tỷ đồng, giá trị 162 tỷ đồng này đã tính vào vốn Nhà nước. Ngày 25/03/2014, Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 1966/VPCP-KTN về việc chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng hạch toán tăng tài sản và giao cho Bộ Giao thông Vận tải chủ trì và phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan phê duyệt phương án khai thác, sử dụng các cầu cảng của Cảng Hải Phòng, đảm bảo thu hồi vốn và trả nợ vay, lãi vay theo đúng các điều kiện của Hiệp định vay vốn đã ký kết với Nhà tài trợ nước ngoài. Sau khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giá trị quyết toán tài sản cầu số 4, số 5 và giá trị khoản nợ phải trả thực tế, Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng sẽ có nghĩa vụ trả khoản nợ vay theo giá trị được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời, giá trị phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty cổ phần sẽ bị giảm tương ứng với giá trị khoản nợ phải trả này (*Phương án xử lý vấn đề này được đề xuất tại Phần X – Các đề xuất, kiến nghị*).

Thứ hai, liên quan đến khoản chi phí sửa chữa đã được trích trước trong giai đoạn 2010 đến 2013 khoảng 101 tỷ đồng (cụ thể mục 2.2 Phần III), nếu Bộ Tài chính phê duyệt xử lý giá trị các khoản chi phí sửa chữa trích trước tương tự như các khoản dự phòng tại Điều 17 Nghị định 59/2011/NĐ-CP, thì giá trị 101 tỷ đồng chi phí sửa chữa trích trước này sẽ được ghi tăng phần phải trả về nhà nước.

Thứ ba, liên quan đến khoản thuế nhà thầu: Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng chưa điều chỉnh đối với khoản thuế nhà thầu theo kết luận kiểm tra của Cục thuế Hải Phòng và đang gửi công văn xin hướng dẫn của Tổng cục thuế. Trong trường hợp có hướng dẫn cụ thể của Tổng cục thuế về việc phải nộp các khoản thuế nêu trên, Công ty TNHH Cảng Hải Phòng cần phải thực hiện quyết toán khoản này với các vấn đề phát sinh khác trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (30/06/2013) đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Thứ tư, các vấn đề khác phát sinh khác như lợi nhuận trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và các vấn đề tồn tại về tài chính khác... sẽ được rà soát và quyết toán. Khoản chênh lệch tăng giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần với giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được (nếu có) sẽ được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

#### **5. Rủi ro của đợt chào bán cổ phần**

Việc chào bán cổ phần ra công chúng của Công ty chịu ảnh hưởng lớn bởi tình hình thị trường chứng khoán, và các diễn biến của nền kinh tế vĩ mô. Những dấu hiệu bất lợi của các yếu tố này có ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư và khả năng hấp thụ của thị trường.

#### **6. Rủi ro khác**

Bên cạnh các rủi ro mang tính đặc thù trong hoạt động khai thác cảng, Cảng Hải Phòng cũng như các đơn vị kinh tế khác cũng sẽ bị ảnh hưởng và bị tổn thất nếu xảy ra các rủi ro bất khả kháng. Các rủi ro như thiên tai, địch họa ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Cảng Hải Phòng cũng như các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế.

## PHẦN X. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam phê duyệt phương án cổ phần hóa, cơ cấu chào bán cổ phần cho CBCNV, Tổ chức công đoàn, chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược và chào bán đấu giá lần đầu ra công chúng cho nhà đầu tư trong nước (IPO) như nội dung đề cập trong phương án.

Hiện tại, Công ty đang rà soát và yêu cầu người lao động cam kết, chứng minh thời gian làm việc tại khu vực Nhà nước mà chưa được tính để mua cổ phần ưu đãi trước khi vào làm việc tại Cảng Hải Phòng đối với hơn 400 trường hợp người lao động (có mặt tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp). Sau khi rà soát, nếu có phát sinh các trường hợp làm giảm số lượng cổ phần ưu đãi cho người lao động theo phương án cổ phần hóa, Cảng Hải Phòng báo cáo Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam thay đổi cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả thực tế bán cổ phần ưu đãi cho người lao động được quyền mua ưu đãi. Thời gian thực hiện trong vòng 02 tuần kể từ ngày phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng được phê duyệt.

Trong trường hợp sau khi có phê duyệt chi tiết của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan về giá trị quyết toán tài sản của cầu 4, cầu 5 và giá trị thực tế của tài sản cầu số 4, cầu số 5 được chuyển vào vốn vay thì giá trị vốn góp của Nhà nước tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng sẽ bị giảm, đồng thời, tỷ lệ sở hữu của Nhà nước cũng có thể giảm xuống dưới mức 75% (trong trường hợp bán hết cổ phần cho các đối tượng chào bán nêu trên). Công ty đề xuất phương án bù đắp giá trị còn thiếu của vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng so với giá trị phần vốn Nhà nước theo phương án cổ phần hóa như sau:

- Sử dụng **khoản chênh lệch tăng** giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần với giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được chuyển thành phần vốn của Nhà nước tại công ty cổ phần để bù đắp.
- Trong trường hợp giá trị vốn Nhà nước vẫn chưa đủ so với phần vốn góp trong cơ cấu vốn điều lệ theo phương án cổ phần hóa, Công ty kiến nghị **giữ lại lợi nhuận hàng năm chia cổ tức cho cổ đông Nhà nước để tăng giá trị vốn góp của Nhà nước theo đúng phương án cổ phần hóa.**

Đề nghị Tổng Công ty Hải Hải Việt Nam phê duyệt khoản chi phí cổ phần hóa thực tế của Cảng Hàng vượt mức quy định tại Điều 12 Thông tư 196 được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đề nghị Bộ Giao thông vận tải, Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam và các cơ quan liên quan phối hợp hướng dẫn xử lý các vấn đề tài chính còn tồn tại trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp và cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng để Công ty hoàn thành việc quyết toán và bán giao vốn sang công ty cổ phần theo đúng quy định của pháp luật.

Để đảm bảo tiến độ cổ phần hóa, Công ty đề xuất phương án không thực hiện bán tiếp số cổ phần từ chối mua mà tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả chào bán lần 1 cho các đối tượng nêu trong phương án. Việc bán cổ phần cho các đối tác sẽ tiếp tục được triển khai sau giai đoạn chuyển đổi thành Công ty cổ phần. Các phương án bán cổ phần chi tiết sẽ được Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần và chủ sở hữu vốn quyết định.

Phương án cổ phần hóa này đã được thông qua tại Đại hội công nhân viên chức bất thường Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng ngày 01/04/2014.

Trân trọng!

**CÔNG TY TNHH MTV CẢNG HẢI PHÒNG**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hùng Việt**